



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH QUẢNG BÌNH

Lớp

9



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐOÀN THỊ THUÝ HẠNH – HỒ GIANG LONG (Đồng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ CHI – NGUYỄN THỊ THANH NGÀ – ĐẶNG THỊ PHƯƠNG
ĐOÀN THỊ PHƯỢNG – DƯƠNG QUỲNH PHƯƠNG
LÊ THỊ NGỌC BÉ – TRẦN ĐẠI NGHĨA – DƯƠNG XUÂN SỰ – LÊ THỊ HỒNG VÂN

Tài liệu
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH QUẢNG BÌNH **Lớp 9**

Kí hiệu và hướng dẫn sử dụng tài liệu



MỞ ĐẦU

Xác định nhiệm vụ, vấn đề học tập học sinh cần giải quyết; kết nối với những điều đã biết, nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú vào bài học mới.



KIẾN THỨC MỚI

Với các nội dung (kênh hình, kênh chữ), thông qua các hoạt động học tập giúp học sinh khai thác, tiếp nhận kiến thức mới.



LUYỆN TẬP

Là các câu hỏi, bài tập, thực hành để củng cố kiến thức, rèn luyện các kĩ năng.



VẬN DỤNG

Sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Bình lớp 9 giới thiệu cho các em một số vấn đề cơ bản, đặc trưng về lịch sử, văn hoá, địa lí, môi trường, xã hội địa phương. Từ đó, bồi dưỡng cho các em tình yêu, niềm tự hào, ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp của quê hương Quảng Bình yêu dấu.

Các bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động *Mở đầu, Kiến thức mới, Luyện tập, Vận dụng* nhằm giúp các em chủ động tiếp cận bài học và hình thành một số phẩm chất, năng lực cần thiết.

Khi sử dụng tài liệu, các em cần chú ý một số yêu cầu sau:

- Trước khi bắt đầu bài học, các em hãy đọc kĩ phần định hướng ở mục “Yêu cầu cần đạt”.
- Nhận biết chuỗi hoạt động qua kí hiệu ở đầu sách và thực hiện đầy đủ các hoạt động trong đó theo hướng dẫn của thầy cô.
- Các sơ đồ, bảng biểu ở phần câu hỏi, bài tập (nếu có) là để gợi ý. Khi trả lời câu hỏi và làm bài tập, các em không ghi trực tiếp vào tài liệu.

Chúc các em có những giờ học, hoạt động trải nghiệm thú vị và bổ ích cùng với *Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Bình lớp 9*.

Các tác giả

MỤC LỤC

BÀI	NỘI DUNG	TRANG
1	Nghệ thuật trang trí, điêu khắc trên quê hương Quảng Bình	5
2	Lịch sử tỉnh Quảng Bình từ năm 1918 đến năm 1991	14
3	Làng chiến đấu ở vùng đất Quảng Bình	26
4	Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Quảng Bình	33
5	Ngành công nghiệp tỉnh Quảng Bình	40
6	Ngành dịch vụ tỉnh Quảng Bình	43
7	Thực hành viết báo cáo ngắn về mô hình kinh tế tại địa phương	48
8	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở tỉnh Quảng Bình và hướng nghiệp cho học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở	49
9	Các ngành nghề, làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Bình	53
10	Tuyên truyền bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học tỉnh Quảng Bình	61
11	Hoạt động trải nghiệm đền ơn đáp nghĩa ở tỉnh Quảng Bình	65

Bài 1. NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ, ĐIÊU KHẮC TRÊN QUÊ HƯƠNG QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Trình bày được nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển của nghệ thuật trang trí, điêu khắc ở tỉnh Quảng Bình.
- Nêu được đặc điểm nghệ thuật trang trí, điêu khắc qua một số công trình kiến trúc tiêu biểu của tỉnh Quảng Bình (đình làng, chùa, miếu,...).
- Giới thiệu được một số công trình kiến trúc thể hiện nghệ thuật trang trí, điêu khắc tại địa phương.
- Trân trọng, tự hào về những giá trị nghệ thuật trang trí, điêu khắc trên quê hương Quảng Bình.



Quan sát các hình ảnh sau và trả lời câu hỏi:



Hình 1.1



Hình 1.2.



1. Quan sát hình 1.1, 1.2 và cho biết đây là công trình kiến trúc nào ở tỉnh Quảng Bình?
2. Kể tên một số công trình thể hiện nghệ thuật trang trí, điêu khắc ở tỉnh Quảng Bình mà em biết.



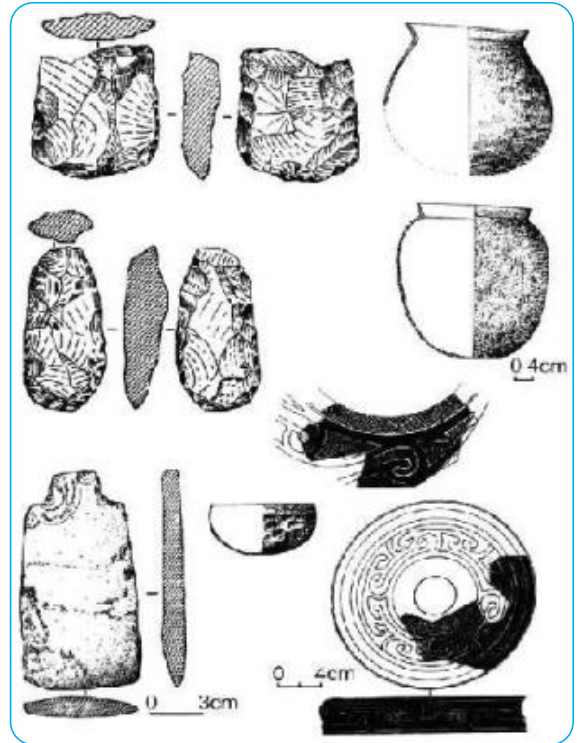
1. Quá trình phát triển của nghệ thuật trang trí, điêu khắc ở tỉnh Quảng Bình

a. Thời kì Văn hoá Hoà Bình ⁽¹⁾

Theo kết quả nghiên cứu từ các nguồn tư liệu khảo cổ học thì những cộng đồng cư dân cổ đầu tiên ở Quảng Bình thuộc nền Văn hoá Hoà Bình ⁽²⁾.

Thời kì này, cuộc sống vật chất tuy bấp bênh nhưng đời sống tinh thần của chủ nhân Văn hoá Hoà Bình ở Quảng Bình xưa đã có những bước phát triển nhất định. Ở các hang Yên Lạc, Kim Bảng (Yên Hoá, Minh Hoá), Hang Trăn (Tân Hoá, Minh Hoá) đã tìm được những viên cuội hình dáng khác nhau, trên đó có khắc các rãnh sâu, hình cành hay lá cây. Như vậy, có thể bấy giờ cư dân ở đây đã có những khái niệm sơ khai về nghệ thuật tạo hình.

Bên cạnh những viên cuội có vết khắc, ở di chỉ Mái đá Đức Thi (Tân Ninh, Quảng Ninh) còn tìm thấy viên cuội sa thạch, mặt tương đối phẳng, trên đó có khoét những lỗ vũng tròn nhỏ giống như những hiện vật cùng loại đã tìm thấy ở các di chỉ Hoà Bình như Đa Phúc, Động Can. Những lỗ tròn này phân bố khá đều đặn thành những vòng tròn đồng tâm. Hiện chúng ta chưa rõ nội dung những vết tròn đó có ý nghĩa gì. Theo Colani M. thì những viên đá này có ý nghĩa bia ký hơn là bàn mài, cũng có thể là kết quả của những cuộc thi nín thở đục lỗ để lựa chọn người khỏe nhất, có khả năng nín thở dài nhất của cộng đồng giống như hình thức đua tài đang còn lưu hành ở thổ dân các vùng Tasmania và Australia,... ⁽³⁾ Những tư liệu trên cùng với những tri thức về tự nhiên, về các mùa trong năm (thể hiện qua việc chọn lựa nơi cư trú



Hình 1.3. Di vật khảo cổ học thời tiền sử.
(Bản vẽ: Lê Đình Phúc)

(1) Trong mục này có sử dụng tư liệu và quan điểm nghiên cứu của Lê Đình Phúc trong “Tiền sử Quảng Bình”, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội; các công trình nghiên cứu của Lê Duy Sơn (Đại học Khoa học Huế), Tạ Đình Hà (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Quảng Bình) và các công bố thường niên về khảo cổ học do Viện Khảo cổ Việt Nam tổ chức.

(2) Văn hoá Hoà Bình – Những vấn đề sau năm 1960, Hà Văn Tấn, Tạp chí KCH, số 2/1992.

(3) L'Age de la pierre dans la province de Hoabinh, Colani M, MSGI, vol. XXIV, Hanoi, 1927, tr. 106 – 107.

và hái lượm theo mùa) đã cho thấy cư dân Văn hoá Hoà Bình ở Quảng Bình có vốn tri thức thức khá phong phú về thế giới xung quanh. Họ hiểu biết ngày càng nhiều về môi trường tự nhiên cũng như các khả năng tận dụng, từ đó họ đã chủ động tổ chức cuộc sống của mình vừa hoà hợp với tự nhiên vừa có xu hướng vươn tới từng bước làm chủ và cải tạo tự nhiên theo nhu cầu của mình.

b. Thời kì Văn hoá Bàu Tró

Trên cơ sở một nền kinh tế ổn định, đa dạng và phát triển, đời sống văn hoá tinh thần và tổ chức xã hội cũng ngày càng thay đổi, nâng cao. Qua việc tìm hiểu về kĩ thuật tạo dáng và những đường nét, kiểu loại hoa văn trang trí trên đồ gốm cũng như kĩ thuật chế tác công cụ đá, đồ trang sức khá điêu luyện, chúng ta đã biết được phần nào về trình độ tư duy và khả năng thẩm mỹ, bàn tay khéo léo của con người ở đây thuở trước. Có thể nói bấy giờ họ đã có một trình độ tư duy, mỹ cảm khá phát triển. Trong cuộc sống họ đã biết tự làm đẹp cho chính bản thân mình và những đồ vật vốn gắn bó, quen thuộc quanh họ. Cùng với những chiếc bình gốm với phong cách trang trí uyển chuyển, cân đối,..., chúng ta còn tìm được khá nhiều những vòng tay, khuyên tai, nhẫn, hạt chuỗi bằng đá, các loại vòng nhẫn bằng gốm, vòng chuỗi bằng vỏ sò, vỏ ốc dùi lỗ ở nhiều di tích. Tại hang Minh Cầm, ngoài những vỏ ốc, sò xuyên lỗ để luồn dây đeo, còn có những hạt chuỗi bằng đá xanh và hoa tai lục giác bằng ngà đẹp khá cầu kì, giữa các hạt chuỗi được khoan một lỗ nhỏ để luồn dây⁽⁴⁾.

Bên cạnh sự ra đời và phát triển của kĩ thuật luyện kim, các ngành nghề thủ công khác như làm đồ gốm, đồ gỗ, đan lát, dệt vải, làm đồ trang sức,... đều phát triển mạnh mẽ. Riêng nghề chế tác công cụ đá thời kì đầu vẫn còn tiếp tục tồn tại, nhưng sau khi công cụ đồng và sắt phổ biến, thì sản phẩm của nghề này chính là đồ trang sức. Trong các địa điểm Văn hoá Đông Sơn ở Quảng Bình, chúng ta thường gặp những hạt chuỗi và vòng tay bằng đá quý bên cạnh những vòng tay, vòng nhẫn bằng đồng.

Mặc dù những di vật thời kì Văn hoá Đông Sơn phát hiện ở Quảng Bình chưa nhiều nhưng những gì phát hiện được đủ để hình dung một giai đoạn phát triển quan trọng trong đời sống vật chất của người cổ Quảng Bình thời đó. Cùng với những đổi thay về vật chất thì đời sống tinh thần của họ cũng ngày càng phong phú hơn. Sự có mặt của các loại hình đồ trang sức bằng đá, bằng đồng và thuỷ tinh với những vòng khuyên tai, hạt chuỗi,... là những bằng chứng ghi nhận điều đó. Hội hoạ và điêu khắc đã thực sự gắn bó với đời sống thường ngày của họ. Từ kiểu dáng những chiếc bình gốm, rìu đồng đến những đường nét, hoa văn trên thố đồng Bàu Khê, Thanh Trạch, những hình chim, hình thuyền, tượng cóc,... trên trống đồng Phù Lưu đều đã phản ánh trình độ tư duy, khả năng mỹ cảm của con người ở đây không thua kém gì cư dân Đông Sơn sống ở các nơi khác trong bờ cõi của nước Văn Lang.

(4) *Tiền sử Quảng Bình*, Lê Đình Phúc, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 220 – 221.

c. Thời kì trung đại và hiện đại

Cư dân Quảng Bình thời trung đại và hiện đại đã kế thừa những giá trị văn hoá tạo hình, trang trí của thời kì trước; thể hiện qua những công trình kiến trúc, những sản phẩm trang trí; đến nay vẫn còn lưu giữ trong đời sống nhân dân.

Hiện vật phản ánh lịch sử truyền thống chống ngoại xâm của nhân dân Quảng Bình thời kì phong kiến Đại Việt (Lý, Trần, Lê, Trịnh – Nguyễn, Tây Sơn), gồm có: những loại vũ khí đánh giặc, gia phả, thần phả, ngọc phả.



Hình 1.4. Hiện vật thời Trịnh – Nguyễn

Hiện nay, Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình đang lưu giữ bảo vật quốc gia là ấn quan tuần phủ Đô tướng quân. Ấn bằng đồng niên đại năm Hồng Thuận thứ 6 (1515) – thời vua Lê Tương Dực. Chiếc ấn của quan Tuần phủ Đô tướng quân là hiện vật gốc, độc bản, quý hiếm và tiêu biểu cho những loại ấn dưới triều đại Lê sơ. Đây là chiếc ấn duy nhất được tìm thấy của quan Tuần phủ Đô tướng quân thời Lê sơ trên cả nước.



Hình 1.5. Ấn quan tuần phủ Đô tướng quân

Ngoài ra, trong thời kì này, những kiến trúc đình, chùa, đền, miếu với các hoa văn chạm khắc tinh tế cũng đã thể hiện rõ nét tài năng của các nghệ nhân cũng như quan niệm thẩm mỹ của nhân dân trong đời sống sinh hoạt.



Hình 1.6. Nghệ thuật trang trí mặt ngoài đình Hoà Ninh (xã Quảng Hoà, thị xã Ba Đồn)



Hình 1.7. Chạm khắc gỗ kèo lớn bên trong đình Lũ Phong (xã Quảng Phong, thị xã Ba Đồn)

Thời kì hiện đại, mỹ thuật Quảng Bình ngày càng phát triển về bề rộng và chiều sâu, gặt hái nhiều thành công với các tác phẩm có giá trị thẩm mỹ và tư tưởng cao qua nhiều triển lãm, trại sáng tác khu vực Bắc miền Trung, cả nước và quốc tế. Nhiều nghệ sĩ đã vượt ra khỏi giới hạn mang tính địa phương trong sáng tạo, bản lĩnh tham gia vào đời sống mỹ thuật Việt Nam đương đại. Đặc biệt, ở lĩnh vực điêu khắc, nhiều tác giả, tác phẩm được giới chuyên môn và công chúng đánh giá cao như: nhà điêu khắc Phan Đình Tiến với các tác phẩm đề tài về biển (*Biển cả, Trái tim của biển*) hay các tác phẩm điêu khắc đá được đặt tại nhiều công viên trên toàn quốc. Ngôn ngữ điêu khắc mạnh mẽ, hiện đại và mang nhiều suy tưởng đã mang lại thành công cho anh.

Nhà điêu khắc Lê Ngọc Thái (từ năm 2017 chuyển vào hoạt động nghệ thuật ở thành phố Huế) có nhiều tác phẩm phản ánh cuộc sống đương đại đầy biến động, như: *Hiệu ứng kính, Hồi sinh,...* Dù chưa nhiều tác giả nhưng đã tạo nên “thương hiệu” cho điêu khắc Quảng Bình trong những năm qua.

Thời gian gần đây, ở Quảng Bình đã xuất hiện những gương mặt sáng tác điêu khắc đầy triển vọng. Họ là thế hệ trẻ thế hệ 8X và 9X, đam mê sáng tạo, dám thử nghiệm và dẫn thân với biểu hiện yếu tố tạo hình trên các chất liệu mới mang tính đương đại. Nhiều tác phẩm đã đoạt những giải thưởng quan trọng của Hội Mỹ thuật Việt Nam, được Hội đồng nghệ thuật, công chúng và giới chuyên môn đánh giá tích cực,...

Có thể khẳng định, nghệ thuật trang trí, điêu khắc ở tỉnh Quảng Bình làm phong phú thêm đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân Quảng Bình. Mặt khác, thể hiện bản sắc văn hoá và quan niệm thẩm mỹ của người dân qua các thời kì lịch sử.



1. Nghệ thuật trang trí, điêu khắc của tỉnh Quảng Bình được phát triển qua những giai đoạn nào? Nêu đặc điểm của mỗi giai đoạn.
2. Em có suy nghĩ gì về nghệ thuật trang trí, điêu khắc của tỉnh Quảng Bình qua các giai đoạn phát triển?

2. Một số công trình tiêu biểu thể hiện nghệ thuật trang trí, điêu khắc ở tỉnh Quảng Bình

a. Đình Làng Phù Trịch

Làng Phù Trịch thuộc địa phận xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình vốn nổi danh với chiến thắng Phù Trịch – La Hà ở thời kì kháng chiến chống Pháp. Rất hiếm nơi nào giống như nơi này, một mảnh đất nhỏ bên sông Gianh nhưng có đến 4 công trình được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử – văn hoá cấp tỉnh và quốc gia: đình Phù Trịch, điện Thành hoàng Vĩnh Lộc, trận chiến thắng Phù Trịch – La Hà, Truy Viễn đường làng Vĩnh Phước. Đặc biệt là công trình kiến trúc đình Phù Trịch cổ kính, mang đậm dấu ấn thời gian ẩn chứa nhiều giá trị lịch sử, văn hoá của địa phương. Hiện nay, đình là một trong những điểm tham quan ý nghĩa của khách mỗi khi có dịp đi du lịch Quảng Bình...



Hình 1.8. Đình làng Phù Trịch

Đình nằm sát bên bờ sông Gianh lịch sử. Mặt đình hướng ra sông Gianh, lưng tựa vào làng tạo thế đứng vững chắc giữa không gian thoáng đãng. Bên trong đình Phù Trịch hiện đang lưu giữ 12 sắc phong thời nhà Nguyễn từ vua Tự Đức đến vua Duy Tân, điều đó thể hiện được sự trân trọng quá khứ, cũng như công lao của các bậc tiên hiền. Đình gồm đình Tiền và đình Hậu.

Đình Tiền được xây dựng khá rộng, có thiết kế khá đẹp, công phu, các đường nét hoa văn chạm khắc trau chuốt tỉ mỉ. Đình được làm nơi cúng tế, hội họp, tổ chức lễ hội hàng năm của làng.

Đình Hậu là nơi cung kính thờ phụng vị thành hoàng, thờ vong linh các vị thần, các vị tướng có công danh, chức trọng, đức độ, các vị khoa bảng danh thơm tiếng tốt, phò dân giúp nước được nhân dân mến mộ.

Đình Hậu có kiểu kiến trúc và cách bố trí mang những nét tương đồng như các đình khác ở các địa phương khu vực miền Trung, từ các chi tiết hoa văn phối cảnh bên ngoài cho đến phần nội thất bên trong. Đình Hậu được xây dựng theo hình chữ nhật, mái lợp bằng ngói Hưng Ký. Ở hai đầu hồi phía Đông và Tây đắp hình hai con chim phượng có tư thế đang bay, với cách đắp ốp những đường nét cong lượn, tinh tế sắc sảo uyển chuyển hài hoà tuyệt mỹ, mang cốt cách đăng đối cung đình. Phía trên hai mái và hồi có đắp và kẻ các đường gờ nẹp nổi, có hoa văn rồng lượn ở các góc.

Cửa chính có chiều cao 1,7m, chiều rộng 1,6m; hai cửa phụ mỗi cửa cao 1,7m, rộng 0,9m. Khoảng cách giữa các cửa được liên kết với nhau bằng những mảng tường, xen lẫn giữa các cửa được xây thêm các trụ đỡ. Phía trên các trụ đỡ có ghép các ô vuông hình hoa thị rất đẹp mắt, đặt ẩn sâu vào trong.

Mặt tường phía trên chỗ tiếp nối từ các trụ đỡ đến mái được phân thành hai cấp, mỗi cấp lại chia thành ba ô hình chữ nhật, ở giữa các ô có hình mặt nguyệt, xung quanh cách điệu các hình rìa lửa, xen kẽ với các hoạ tiết hình lá cong lượn quện vào nhau.

Nhìn chung về trang trí ngoại thất mặt trước của đình Hậu được sắp xếp rất công phu và chu toàn, vừa có nét dân gian vừa mang tính hiện thực trong cách bài trí, nhưng nhìn toàn cục lại rất nhẹ nhàng tinh tế, vừa thanh thoát, vừa trang nghiêm nhưng lại rất hài hoà về đường nét. Những mảng hoa văn không có chỗ nào thừa, trong cốt cách nghiêng về tính truyền thống.

Về phần nội thất, Đình Hậu có ba gian được đặt ba hương án cân xứng trang nghiêm; ở giữa là hương án nội, hai bên là hương án ngoại để thờ các bậc phụ thần.

Riêng hương án nội có hai cấp được trang trí công phu hơn đặt ở chính giữa, phía trên có khắc hai chữ Hán "Anh Linh"; là nơi trang nghiêm và kính cẩn để thờ thành hoàng của làng là ông Phạm Bá Quý – người có công lớn trong việc khai khẩn ruộng đất lập nên làng Phù Trích, vừa là một vị tướng công có tài lớn.

Cách đình khoảng 20m về phía Tây của làng còn lập riêng một lăng miếu được xây cất khá công phu và chu đáo thờ thành hoàng Phạm Bá Quý.

Về phía đông cách đình khoảng 1 200m nhân dân địa phương còn lập nên một khu miếu gọi là Tam Toà hay "Tam toà tứ miếu", gồm có 4 ngôi miếu. Mỗi ngôi miếu được thiết kế theo ba toà kiến trúc giống nhau, các đường nét đắp ốp, uốn lượn, chấm hoạ đều theo một thể thống nhất. Đã gần hai thế kỉ qua mà các đường nét hoa văn chạm trổ vẫn nguyên vẹn trên vùng đất có nhiều chiến tích. Bốn ngôi miếu dùng để thờ các vị: Nam Hán Lang Lai, Tả phụ thiên tướng công Nguyễn Hữu Hiền, Thân phụ các tả phụ thiên quận công, Tứ vị thần nông, những vị có công trong việc trấn ải biên thù, khai cơ điền thổ, xây dựng bảo vệ quê hương và được sắc phong qua các triều vua.

Di tích lịch sử đình Phù Trích ngoài việc thờ tự vong linh những vị tổ khai cơ lập nghiệp nên làng, những vị có công đức được nhân dân tôn kính, đình còn gắn liền với những sự kiện lịch sử quan trọng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Ngày nay, Đình làng Phù Trích là nơi hội họp, diễn ra các hoạt động văn hoá – văn nghệ, lưu giữ nhiều phong tục, tập quán tốt đẹp và còn là hiện thân của tình đoàn kết cộng đồng. Hàng năm, nhân dân địa phương chọn ngày 6 tháng giêng (ngày tướng quân Phạm Bá Quý qua đời) làm ngày hội truyền thống chung của làng...

b. Chùa Quan Âm Tự (Bố Trạch, Quảng Bình)

Chùa Quan Âm Tự Quảng Bình là một trong những ngôi chùa cổ may mắn còn được lưu giữ lại sau thời kì chiến tranh. Hiện tại chùa tọa lạc ở xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Theo lời người trong vùng kể lại, tháng 7 năm 1802, vào thời vua Gia Long, có một ngư dân tên Hồ Lương Đường khi đang đánh cá ngoài biển đã kéo lên một pho tượng bằng đá khi đi đánh cá ngoài biển.

Để cảm tạ trời đất và giữ gìn ơn huệ được ban cho, người dân nơi đây đã dựng nên ngôi nhà bằng tre lợp tranh thờ phụng Đức Phật Quan Âm.

Chùa Quan Âm Tự Quảng Bình ngày nay có quy mô khá lớn và nằm ngay trên một khu đất cao khoảng 15m và rộng tầm 10 000m². Từ trên cao nhìn xuống bạn có thể thấy kiến trúc chùa như một bông sen khổng lồ nằm ngay sát biển và ngã ba sông Lý Hoà, thuận tiện cho mọi người đi thăm thú đường bộ lẫn đường thủy.



Hình 1.9. Chùa Quan Âm Tự Quảng Bình

Vật liệu chính cấu thành chùa là gỗ lim và theo phong cách kiến trúc phương Đông với hàng rào xung quanh. Trong chùa có tiền đường, thượng điện, tam quan, nhà thờ tổ gác chuông. Chùa Quan Âm Tự Quảng Bình được nhiều cánh thợ từ nhiều nơi đến xây từng bộ phận khác nhau.

Đây cũng là lí do các tác phẩm điêu khắc tại chùa có hình trang trí đầy tính sáng tạo và đa dạng. Hình rồng hay hình phượng mỗi con lại một vẻ khác nhau, xung quanh chùa có vườn cây thoáng đặng và bình yên.

Ban đầu Chùa Quan Âm Tự Quảng Bình chỉ thờ tượng Quan Âm vớt dưới biển lên, càng về sau Phật điện dần nhiều lên, hiện trong chùa đang có tượng Hộ Pháp, bộ tượng Tam Thế, A Di Đà,... tổng cộng tất cả là 30 pho tượng.

Các pho tượng được làm bằng các chất liệu khác nhau như là đồng, gỗ, đá có niên đại từ thế kỉ XVIII đến XIX. Các bức hoành phi, câu đối sơn son thiếp vàng phần lớn nói về Phật pháp nhiệm màu và có nhiều bức đại tự.

Hiện trong chùa có một số hiện vật vô cùng quý hiếm là 2 chiếc cối đá, 2 chiếc chày đá niên đại từ thế kỉ VII – VIII; 2 chiếc đại hồng chung đúc thời vua Tự Đức; chiếc chuông nặng 800kg. Trên chuông là bài văn bia ca ngợi chốn danh lam thắng tích, nhắc đến truyền thuyết vớt tượng Quan Âm ngày xưa.



1. Dấu ấn nghệ thuật trang trí, điêu khắc được thể hiện như thế nào ở đình làng Phù Trích?
2. Chùa Quan Âm Tự ở huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình có nguồn gốc như thế nào? Kể tên những sản phẩm thể hiện nghệ thuật trang trí, điêu khắc trong ngôi chùa.
3. Em có nhận xét gì về nghệ thuật trang trí, điêu khắc ở tỉnh Quảng Bình qua công trình đình làng Phù Trích và chùa Quan Âm Tự? Nghệ thuật trang trí, điêu khắc qua những công trình kiến trúc này thể hiện điều gì?



1. Kể tên một số họa tiết điêu khắc có trong các đình làng ở tỉnh Quảng Bình.
2. Những tác phẩm điêu khắc đình làng thể hiện quan niệm thẩm mỹ của ai? Ý nghĩa của những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc đình làng ở tỉnh Quảng Bình là gì?
3. Có ý kiến cho rằng: trong xã hội hiện đại, những giá trị văn hoá truyền thống trong đó có nghệ thuật trang trí, điêu khắc trên các công trình nghệ thuật truyền thống cũng dần bị lãng quên. Viết một đoạn văn khoảng 8 đến 10 câu trình bày quan điểm của em về ý kiến trên.



Lập kế hoạch, thực hành trải nghiệm và viết một bài (khoảng 300 từ) để giới thiệu về một công trình kiến trúc ở tỉnh Quảng Bình.

Bài 2. LỊCH SỬ TỈNH QUẢNG BÌNH TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1991

Yêu cầu cần đạt:

- Trình bày được phong trào yêu nước và phong trào cách mạng ở Quảng Bình từ năm 1918 đến năm 1945.
- Trình bày được những nét tiêu biểu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Quảng Bình (1954 – 1975).
- Nêu được tình hình kinh tế, xã hội Quảng Bình trong những năm 1976 – 1991.



Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Quảng Bình đã phát huy truyền thống yêu nước, vun đắp lí tưởng cách mạng, cùng nhân dân cả nước chuẩn bị và tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền vào tháng Tám năm 1945. Trong thời kì 1945 – 1954, quân và dân tỉnh Quảng Bình hoàn thành các nhiệm vụ lịch sử quan trọng, góp phần đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Trong những năm 1954 – 1975, nhân dân tỉnh Quảng Bình vừa tiến hành xây dựng xã hội chủ nghĩa, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ và làm nghĩa vụ hậu phương. Từ năm 1976 – 1991, nhân dân Quảng Bình tiếp tục hàn gắn vết thương chiến tranh, đẩy mạnh công cuộc đổi mới.



Nêu một số thông tin mà em biết/ tìm hiểu được về lịch sử tỉnh Quảng Bình từ năm 1918 đến năm 1991.



1. Lịch sử tỉnh Quảng Bình từ năm 1918 đến năm 1945

a. Phong trào yêu nước và cách mạng ở Quảng Bình từ năm 1918 đến năm 1930

Từ năm 1918 đến năm 1930, phong trào yêu nước ở Quảng Bình phát triển mạnh mẽ. Năm 1925, hưởng ứng phong trào đấu tranh đòi thả nhà yêu nước Phan Bội Châu,

một số trường học ở Đồng Hới, Ba Đồn, Roòn tổ chức mít tinh; nhiều học sinh Quảng Bình học ở Huế và một số nơi khác đã tham gia biểu tình đòi thả cụ Phan Bội Châu.

Sau khi được “ân xá”, cụ Phan Bội Châu đã đến diễn thuyết ở Đồng Hới, Hoàn Lão, Lý Hoà và được đông đảo thanh niên, học sinh, trí thức, nhân dân địa phương tích cực đón tiếp. Những buổi nói chuyện của nhà yêu nước Phan Bội Châu đã góp phần khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân Quảng Bình, nhất là trong tầng lớp trí thức, thanh niên, học sinh.

Ngày 14 – 7 – 1925, tại Vinh (Nghệ An), Hội Phục Việt (sau đổi tên là Hưng Nam, Tân Việt Cách mạng đảng) ra đời. Sau một thời gian, Tân Việt Cách mạng đảng bước đầu xây dựng được một số cơ sở ở thị xã Đồng Hới và ở một số ga trên tuyến đường sắt như Thuận Lý, Kẻ Rầy, Lạc Sơn.

Ngày 24 – 3 – 1926, nhà yêu nước Phan Châu Trinh mất tại Sài Gòn. Tại một số trường học và một vài địa phương, nhân dân Quảng Bình đã bày tỏ lòng tiếc thương bằng các lễ truy điệu trọng thể.

Trong giai đoạn 1927 – 1929, nhiều “nhóm đọc sách báo” được thành lập ở Đồng Hới, Hoàn Lão, Lý Hoà và Ba Đồn, thành viên của nhóm vừa đọc sách báo vừa truyền bá tư tưởng cách mạng. Ở Lệ Thủy, những thanh niên có tư tưởng tiến bộ như Nguyễn Hữu Chuyên, Đào Viết Doãn, Võ Hoàng, Võ Chương Hiên, Võ Hưu, Phạm Xuân Tuynh, Lê Viên, Lê Ngụ, Lê Dy, Võ Thuần Nho đã được đồng chí Võ Nguyên Giáp cung cấp sách báo và truyền bá những tư tưởng yêu nước. Sự truyền bá tư tưởng yêu nước cùng với sự ra đời các cơ sở của Tân Việt Cách mạng đảng đã góp phần hình thành chi bộ cộng sản đầu tiên ở Quảng Bình.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, phong trào chống Pháp ở Quảng Bình phát triển ngày càng mạnh mẽ hơn. Các tổ chức cơ sở Đảng lần lượt ra đời: chi bộ Trung Lực – Mỹ Thổ, huyện Lệ Thủy (1931); chi bộ Bãi Đức, huyện Tuyên Hoá (1931); chi bộ Lũ Phong, thị xã Ba Đồn (1933),...



Nêu một số nét chính của phong trào yêu nước và cách mạng ở Quảng Bình từ năm 1918 đến năm 1930.

b. Quảng Bình trong phong trào cách mạng 1930 – 1931

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Xứ uỷ Trung Kỳ quyết định phát động đợt đấu tranh kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động 1 – 5 (từ ngày 22 – 4 đến ngày 7 – 5 – 1930) bằng các hoạt động rải truyền đơn, treo cờ Đảng trên phạm vi rộng lớn ở thành thị và nông thôn. Đêm 30 – 4 rạng ngày 1 – 5 – 1930, cờ đỏ búa liềm xuất hiện ở trung tâm thị xã Đồng Hới và truyền đơn xuất hiện trên các đường phố. Việc cờ Đảng, truyền đơn xuất hiện vào ngày Quốc tế Lao động đã gây tiếng vang lớn trong toàn tỉnh.

Ngày 1 – 6 – 1930, chi bộ ga Bố Trạch lãnh đạo nông dân xóm Rây, thôn Võ Thuận (xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch) đấu tranh vạch mặt Tri huyện Dương Tự Đức và đồng bọn. Tháng 7 – 1930, chi bộ ga Bố Trạch tiếp tục vận động hàng trăm dân phu các làng Hoàn Lão, Hoàn Phúc, Vạn Lộc bãi công phản đối việc đánh đập công nhân, đòi cấp đủ gạo và tiền cho họ.

Nhân ngày Quốc tế chống chiến tranh (1 – 8 – 1930), cờ Đảng được treo và truyền đơn được rải nhiều ngày ở thị xã Đồng Hới để tỏ thái độ phản đối thực dân Pháp.

Ngày 30 – 9 – 1930, Xứ uỷ Trung Kỳ quyết định “phát động công nông đấu tranh ủng hộ Xô viết Nghệ – Tĩnh và kìm chân địch, không cho chúng điều quân đàn áp Nghệ – Tĩnh”. Thực hiện chủ trương đó, nhiều nơi trong tỉnh, các chi bộ đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền thắng lợi của công nông Nghệ – Tĩnh, kêu gọi ủng hộ Nghệ – Tĩnh bằng cách kiên quyết đấu tranh hơn nữa để giữ vững những thành quả đã đạt được.

Tháng 3 – 1931, nhiều thanh niên tiến bộ ở Lũ Phong (huyện Quảng Trạch, nay thuộc thị xã Ba Đồn) như Nguyễn Huyền (tức Tế), Nguyễn Kim Tiểu đã bắt mối liên lạc với tổ chức Đảng ở Nghệ – Tĩnh. Họ đã nhận truyền đơn từ Hà Tĩnh về in lại, rải dọc đường xe lửa và chợ Ba Đồn.

Phong trào cách mạng 1930 – 1931 là cuộc tập dượt lần thứ nhất của Đảng ta và quần chúng cách mạng để tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945. Trong phong trào đó, các chi bộ và tổ chức Đảng ở Quảng Bình đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh và bước đầu thu được những thắng lợi nhất định. Qua phong trào đấu tranh ở Quảng Bình, các tổ chức Đảng được củng cố và phát triển, công tác xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức quần chúng được chú trọng. Đó là những tiền đề để các tổ chức cộng sản ở Quảng Bình tiếp tục đấu tranh giành thắng lợi trong hoàn cảnh lịch sử mới của giai đoạn 1932 – 1935 và giai đoạn 1936 – 1939.



1. Trình bày những cuộc đấu tranh tiêu biểu ở Quảng Bình trong phong trào cách mạng 1930 – 1931.
2. Cho biết ý nghĩa lịch sử của phong trào cách mạng 1930 – 1931 ở Quảng Bình.

c. Quảng Bình trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

*** Chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa**

Ngày 2 – 7 – 1945, Hội nghị Cán bộ Đảng được triệu tập tại chùa An Xá (xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy) gồm 13 đồng chí đại diện cho các phủ, huyện và thị xã Đồng Hới. Hội nghị chủ trương thống nhất lực lượng Việt Minh trong toàn tỉnh, chuẩn bị mọi điều kiện cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị bầu Ban vận động thống nhất Đảng bộ gồm 13 người, do ông Đoàn Khuê làm Trưởng ban. Đây là bước ngoặt lịch sử quan trọng mở ra thời kì mới, thời kì thống nhất tổ chức, thống nhất lãnh đạo, tạo ra sức mạnh và niềm tin mới cho cán bộ, đảng viên, nhân dân.

Ngày 4 – 7 – 1945, Hội nghị Việt Minh toàn tỉnh được triệu tập tại An Sinh (xã Trường Thủy, huyện Lệ Thủy) với sự tham dự của 30 đại biểu đại diện cho các huyện, thị xã trong toàn tỉnh. Hội nghị chủ trương thống nhất lực lượng Việt Minh trong toàn tỉnh, lấy tên là “Việt Minh Cô Tám”; phát triển các đoàn thể cứu quốc; bầu Ban Chấp hành Việt Minh tỉnh gồm 7 người, do ông Nguyễn Văn Đồng làm Chủ nhiệm.

Đến đầu tháng 8 – 1945, các chiến khu và căn cứ được xây dựng như: Trung Thuần (Quảng Trạch), Võ Xá (Quảng Ninh), Bàu Rền (Đồng Hới). Phong trào cách mạng ở các địa phương trong tỉnh phát triển rộng khắp, khí thế quần chúng lên cao. Công cuộc chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tương đối đầy đủ. Điều kiện cho cuộc khởi nghĩa vũ trang xuất hiện.

*** Chớp thời cơ giành chính quyền**

Ngày 17 – 8 – 1945, Tỉnh bộ Việt Minh đã họp hội nghị để quán triệt lệnh tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng. Hội nghị quyết định lấy ngày 23 – 8 – 1945 làm ngày khởi nghĩa chung trong toàn tỉnh. Sau hội nghị, phong trào sắm sửa vũ khí và luyện tập quân sự phát triển khắp nơi cùng với các hoạt động đấu tranh sôi nổi của quần chúng. Khí thế cách mạng đã lan rộng ra khắp các huyện, thôn, xóm, báo hiệu một cuộc vùng lên mạnh mẽ của quần chúng nhân dân dưới ngọn cờ cách mạng của Mặt trận Việt Minh.

Đêm 22 rạng ngày 23 – 8 – 1945, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh và Ủy ban khởi nghĩa, nhân dân Quảng Bình đồng loạt vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Trong vòng chưa đầy một ngày, nhân dân Quảng Bình đã lật đổ ách thống trị của thực dân, phong kiến trong toàn tỉnh. Lực lượng cách mạng đã thu toàn bộ sổ sách, triện của chính quyền cũ, thành lập Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời ở các phủ, huyện, thị xã, công bố những chủ trương, chính sách của Mặt trận Việt Minh.



1. Công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Bình đã diễn ra như thế nào?
2. Cho biết ý nghĩa thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Quảng Bình.

2. Những nét tiêu biểu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Quảng Bình (1946 – 1954)

a. Quảng Bình trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (từ tháng 3 – 1947 đến tháng 5 – 1949)

Ngày 27 – 3 – 1947, hải quân Pháp tấn công vào Nhật Lệ, cửa sông Gianh. Tại bãi biển Đồng Thành (Đồng Hới), quân Pháp vừa mới đổ bộ đã vấp phải sự đánh trả của lực lượng du kích thị xã Đồng Hới và Đại đội Vệ quốc quân do ông Lê Thanh Đồng chỉ huy. Tuy lực lượng ít, vũ khí thô sơ nhưng bộ đội ta vẫn xuất kích và hai lần đánh bật địch ra bờ biển.

Với ưu thế vũ khí và quân số, thực dân Pháp mở rộng tấn công. Đến tháng 11 – 1947, quân Pháp đã chiếm đóng các vùng xung yếu khắp các huyện, thị (trừ huyện Tuyên Hoá).

EM CÓ BIẾT?

Để chống lại âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của địch, hoạt động “tiêu thổ kháng chiến” được thực hiện toàn diện và triệt để. Ở thị xã Đồng Hới, công binh phá huỷ cầu Dài, đánh sập nhà máy điện. Trên tuyến Quốc lộ 1A và đường sắt chạy qua tỉnh, nhiều quãng bị đào xới ngang dọc, hệ thống đường ray bị

lật tung nhiều đoạn, các nhà ga từ Tân Ấp đến Thượng Lâm đều bị phá. Song song với hoạt động “tiêu thổ kháng chiến”, nhiều chiến khu được xây dựng và củng cố: Chiến khu Bang Rợn (Lệ Thuỷ), Rào Trù (Quảng Ninh), Thuận Đức (Đồng Hới), Bồng Lai (Bố Trạch), Trung Thuần (Quảng Trạch).



Hình 2.1. Cầu Dài (Đồng Hới)

Ở vùng tạm chiếm, cuộc chiến đấu của bộ đội, dân quân du kích vẫn diễn ra. Phong trào xây dựng làng chiến đấu lan khắp tỉnh như ở Cự Năm, Hoà Duyệt, Hoàn Lão (Bố Trạch), Cảnh Dương, Quảng Châu, Nam Lãn, Trùng Chắt, Phú Lộc (Quảng Trạch). Xưởng cơ khí Quảng Bình ngày đêm sản xuất lựu đạn, bom mìn và sửa chữa vũ khí các loại phục vụ kháng chiến.

Tại các chiến khu, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Quảng Bình thành lập các trại kinh tế để tăng gia sản xuất. Các nghề thủ công trong nhân dân tiếp tục hoạt động phục vụ kháng chiến và ổn định đời sống.

Ở Quảng Trạch, Bố Trạch, Lệ Thuỷ, các lớp bình dân học vụ được tổ chức dưới những hình thức khác nhau. Trường tiểu học, trung học tiếp tục hoạt động và thu hút con em đồng bào đi tản cư đến học. Văn hoá, văn nghệ, thông tin tuyên truyền, giáo dục phát triển đã góp phần động viên, cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân trong toàn tỉnh. Mạng lưới y tế được xây dựng thành một hệ thống phân bố đều khắp trên địa bàn, đảm bảo việc chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân và tham gia kháng chiến.

Các tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Việt Minh, đoàn thể quần chúng được củng cố và mở rộng. Cuộc kháng chiến phát triển toàn diện.

b. Từ cao trào “Quảng Bình quật khởi” năm 1949 đến thắng lợi năm 1954

Năm 1949, tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến thuận lợi cho cách mạng. Ở Quảng Bình, cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện thu được nhiều thắng lợi. Trên cơ sở đó, Đảng bộ tỉnh quyết định phát động cao trào “Quảng Bình quật khởi” với khẩu hiệu: “Rời chiến khu, thực hiện hạ sơn, bám dân, bám làng hoạt động”.

EM CÓ BIẾT?

Tuần lễ “Quảng Bình quật khởi” (từ ngày 15 – 7 – 1949 đến ngày 22 – 7 – 1949) đã đánh dấu bước ngoặt của phong trào kháng chiến ở Quảng Bình từ tích cực cầm cự chuyển sang thế chủ động tiến công. Lực lượng dân quân, du kích được tăng cường. Sau tuần lễ “Quảng Bình quật khởi”, chiến tranh du kích phát triển mạnh. Nhiều trận đánh lớn đã nổ ra, tiêu

biểu là các trận chống càn ở Khe Gát (Tuyên Hoá), Lệ Kỳ (Quảng Ninh), Hoà Duyệt, Hà Lòi, Khe Ngang, Cổ Giang, Troóc, Thanh Khê (Bố Trạch). Nhiều tấm gương chiến đấu, hi sinh anh dũng như Anh hùng Lâm Úy, cha con cụ lái đò Dương Sé,... đã để lại ấn tượng khó phai trong lòng nhân dân.

Từ năm 1952, các khu căn cứ, các làng, xã chiến đấu tiếp tục ra đời và được củng cố như làng Cự Năm, Cảnh Dương, Hưng Đạo, Hiễn Lộc, Hoàn Lão, Lệ Sơn. Quân dân Quảng Bình đã giành được thắng lợi trên các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, tích cực thúc đẩy các cuộc kháng chiến tiến lên.

Năm 1954, phối hợp với chiến trường chính Điện Biên Phủ, quân dân Quảng Bình đã giành được thắng lợi quân sự, góp phần cùng nhân dân cả nước đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi đến thắng lợi. Ngày 18 – 8 – 1954, những tên lính Pháp cuối cùng rút khỏi thị xã Đồng Hới. Quảng Bình hoàn toàn được giải phóng.



Trình bày những nét tiêu biểu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954) của quân dân tỉnh Quảng Bình.

3. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Quảng Bình (1954 – 1975)

a. Quảng Bình trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc

Ngày 5 – 8 – 1964, đế quốc Mỹ cho máy bay, tàu chiến xâm phạm vùng trời, vùng biển Quảng Bình ở cảng Gianh, cửa Roòn, đèo Ngang,... Quân và dân Quảng Bình đã chiến đấu anh dũng, bắn rơi 4 chiếc máy bay và bắn bị thương một chiếc khác. Chiến thắng này có ý nghĩa to lớn về chính trị và quân sự, cổ vũ mạnh mẽ, củng cố niềm tin đánh thắng giặc Mỹ của quân và dân cả nước, mở đầu trang sử mới trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân Quảng Bình.

Ngày 7 – 2 – 1965, đế quốc Mỹ cho máy bay ném bom thị xã Đồng Hới. Quân và dân ta đánh trả kịp thời và đã bắn rơi 4 chiếc. Nhiều tấm gương chiến đấu anh dũng xuất hiện như Nguyễn Viết Xuân, Lê Xảo, Nguyễn Thị Kim Huế,... Hình ảnh Mẹ Suốt chèo đò đưa bộ đội sang sông dưới làn bom đạn, em bé Bảo Ninh tiếp đạn cho bộ đội bắn rơi máy bay,... trở thành huyền thoại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của đất nước.

Quảng Bình là nơi bắn rơi chiếc máy bay thứ 100, 200, 300, 400, 500 và chiếc máy bay thứ 3 000 trên miền Bắc, là tỉnh đứng đầu miền Bắc về thành tích bắn rơi máy bay Mỹ. Tổng cộng hai lần chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, quân và dân Quảng Bình đã bắn chìm và bắn cháy 86 tàu chiến; bắn rơi 704 máy bay, trong đó có những máy bay hiện đại nhất lúc bấy giờ như B52, F111, bắt sống nhiều tên giặc lái.



Hình 2.2. Đơn vị dân quân Dương Thủy, huyện Lệ Thủy bắn rơi chiếc máy bay thứ 300 của giặc Mỹ

b. Quảng Bình đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai giỏi”, ra sức chi viện cho chiến trường miền Nam

EM CÓ BIẾT?

Nhân dịp quân và dân Quảng Bình bắn rơi chiếc máy bay thứ 100 của đế quốc Mỹ, ngày 17 – 7 – 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư khen: “Bác rất vui lòng thay mặt Trung ương Đảng, Chính phủ khen

ngợi đồng bào, bộ đội, cán bộ Quảng Bình đã bắn rơi 100 máy bay giặc Mỹ, vừa qua lại thu hoạch vụ chiêm rất tốt. Như vậy là tỉnh nhà chiến đấu giỏi, sản xuất cũng giỏi”.

Từ năm 1965, tỉnh Quảng Bình phát động phong trào thi đua “Hai giỏi” (chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi). Thi đua “Hai giỏi” trở thành phong trào cách mạng của quần chúng, khẩu hiệu “Giặc đến là đánh, giặc đi là sản xuất”, “Tay búa, tay súng”, “Tay chèo, tay súng” thành phương châm hành động trong những năm chống đế quốc Mỹ ở Quảng Bình.

Trên mặt trận chiến đấu, quân dân Quảng Bình tiếp tục lập nên những chiến



Hình 2.3. Đại đội nữ pháo binh Ngư Thủy chiến đấu đánh trả tàu chiến Mỹ

công. Từ đó, xuất hiện những tấm gương đơn vị anh hùng như đơn vị lão dân quân Mai Thủy, Đức Ninh, Quang Phú; đại đội nữ pháo binh Ngư Thủy; dân quân Võ Ninh, Trung Trạch, Cảnh Dương,...

Trên mặt trận sản xuất, công nhân, nông dân kiên cường bám trụ với quyết tâm “Bám ruộng mà sản xuất, bám hố bom mà thâm canh”. Các công trình thủy lợi được bảo vệ, xây dựng đảm bảo tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp; những cánh đồng 5 tấn, 6 tấn xuất hiện. Công nghiệp, thủ công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp được duy trì và phát triển, đáp ứng một phần quan trọng nhu cầu chiến đấu, sản xuất và đời sống nhân dân.

Trên mặt trận giao thông vận tải, việc đảm bảo giao thông cho các chuyến xe đưa hàng vào miền Nam là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Cuộc chiến diễn ra ác liệt trên các mặt đường, các dòng sông, các bến phà, bến cảng, điển hình như ở phà Gianh, phà Long Đại, phà Xuân Sơn. Các lực lượng công binh, các chiến sĩ lái ca nô, thanh niên xung phong, thanh niên hoả tuyến,... đã dũng cảm phá bom, lấp hố, sửa đường, chèo đò đưa bộ đội qua sông dưới làn bom đạn của địch. Tháng 7 – 1966, nhân dân xã Võ Ninh đã tự nguyện dỡ nhà, lát đường cho xe qua. Khẩu hiệu “Xe chưa qua nhà không tiếc, đường chưa thông không tiếc máu, tiếc xương” ra đời từ đây và nhanh chóng lan rộng thành khẩu hiệu hành động của nhiều địa phương trên toàn tỉnh.



Hình 2.4. Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm các đơn vị bộ đội và Thanh niên xung phong làm nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải, chi viện chiến trường trên tuyến đường Ba Trại, 1969

Nhân dân Quảng Bình luôn xác định chi viện cho chiến trường miền Nam là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu. Trong chiến dịch VT5 (“Vận tải tranh thủ tụt thang”, “tụt thang” nghĩa là khi giặc hạ cấp độ đánh phá), hàng vạn cán bộ, công nhân, viên chức, học sinh, các cơ quan, xí nghiệp, các lực lượng dân quân tự vệ đã tích cực tham gia. Nhân dân Quảng Bình với 6 vạn ngày công đã chuyển 13,2 vạn tấn hàng vào tiền tuyến, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Trung ương giao phó. Quảng Bình đã cử hàng trăm cán bộ chiến sĩ, hàng nghìn thanh niên vào làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến trường Trị – Thiên, mặt trận B5, B4, Đường 9 – Nam Lào.

Sự chi viện về vật chất, con người của Quảng Bình đã góp phần tạo nên sức mạnh to lớn cho chiến trường Trị – Thiên và miền Nam giành toàn thắng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Quảng Bình đã hoàn thành sứ mệnh mà cả nước giao phó: vừa là

tiền tuyến của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, vừa là hậu phương trực tiếp của tiền tuyến lớn miền Nam anh hùng.



1. Quân dân Quảng Bình đã chiến đấu và đánh thắng đế quốc Mỹ trong hai cuộc chiến tranh phá hoại như thế nào?
2. Nêu những đóng góp của nhân dân Quảng Bình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975), đặc biệt là đối với chiến trường miền Nam.

4. Tình hình kinh tế, xã hội Quảng Bình trong những năm 1976 – 1991

a. Tình hình Quảng Bình sau năm 1975 đến năm 1989

EM CÓ BIẾT?

Ngày 20/9/1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 245 về hợp nhất 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và khu vực

Vĩnh Linh thành tỉnh Bình Trị Thiên. Toàn tỉnh có 20 huyện, 1 thành phố, 2 thị xã, 352 xã, 1036 thôn.

* Chính trị

Sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bên cạnh những thuận lợi, Quảng Bình còn những mặt khó khăn lớn: kết cấu hạ tầng bị phá hoại nghiêm trọng, các hoạt động kinh tế bị đình trệ, địa hình kéo dài, bị chia cắt, đời sống vật chất của người dân còn nghèo nàn. Tuy nhiên, Đảng bộ tỉnh Quảng Bình đã lãnh đạo nhân dân khắc phục kịp thời hậu quả chiến tranh, xây dựng hệ thống chính trị, ổn định tình hình chính trị, an ninh, trật tự và chăm lo tốt mọi mặt đời sống của nhân dân.

* Kinh tế

Trong 13 năm hợp nhất thành tỉnh Bình Trị Thiên (từ cuối năm 1975 đến năm 1989), tình hình kinh tế – xã hội của tỉnh có những chuyển biến tích cực. Lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất dần đi vào thâm canh, tăng vụ, tăng diện tích gieo trồng cây lương thực và hoa màu, chăn nuôi được đẩy mạnh, hệ thống các dịch vụ nuôi trồng phục vụ nông nghiệp được phục hồi.



Hình 2.5. Nhân dân Đồng Hới tham gia tổng tuyển cử bầu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 25 – 4 – 1976

Kết thúc thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 – 1980), trong nông nghiệp, toàn tỉnh Bình Trị Thiên vượt qua ngưỡng 40 vạn tấn lương thực. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được sắp xếp lại theo hướng phục vụ nông nghiệp, thủy sản xuất khẩu và phục vụ đời sống. Các hợp tác xã nghề cá ở huyện Bố Trạch và thị xã Đồng Hới là những đơn vị, địa phương đạt sản lượng cao, vượt kế hoạch từ 2 – 7%; sản lượng đánh bắt, chế biến thủy sản tăng đã góp phần quan trọng vào việc cải thiện đời sống và tăng nguồn thu nhập để đầu tư tái sản xuất cho ngư dân. Giao thông được củng cố, bưu điện phục hồi đã kịp thời phục vụ cho cấp uỷ chỉ đạo và yêu cầu thông tin của nhân dân. Giá cả thị trường từng bước ổn định. Các ngành nghề truyền thống của nhân dân và các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế cá thể, kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển.

* Văn hoá – xã hội

Công tác giáo dục, y tế, thể dục thể thao và chăm lo đời sống nhân dân có những tiến bộ, các hoạt động văn hoá, thông tin, tuyên truyền được đẩy mạnh. Hoạt động văn hoá quần chúng diễn ra sôi nổi. Hệ thống thư viện, cửa hàng sách báo, nhà truyền thống của các địa phương dần dần được phục hồi, mạng lưới thông tin cơ sở được củng cố. Ngành Văn hoá – Thông tin đã phát huy vai trò xung kích trong việc cải thiện đời sống tinh thần của nhân dân. Ngành Giáo dục đã chuyển hoàn toàn mọi hoạt động sang điều kiện hoà bình, ổn định trường lớp, ổn định dạy và học; các địa phương đã tu sửa và làm mới phòng học.



1. Nêu những khó khăn của tỉnh Quảng Bình sau khi giải phóng.
2. Nhận xét về những thành tựu đạt được của nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên trong những năm (1975 – 1989).

b. Quảng Bình trong giai đoạn tái lập tỉnh (1989 – 1991)

EM CÓ BIẾT?

Từ ngày 1 – 7 – 1989, tỉnh Quảng Bình được tái lập. Những thành tựu đạt được trong quá trình xây dựng tỉnh Bình Trị Thiên là tiền đề quan trọng để nhân dân Quảng Bình tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới trên quê hương của mình.



Hình 2.6. Một góc thị xã Đồng Hới sau ngày chia lại địa giới tỉnh Quảng Bình

* Kinh tế

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh Quảng Bình, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tăng dần tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ. Cụ thể:

Trong *nông nghiệp*, tập trung chuyển nền nông nghiệp độc canh lương thực sang phát triển toàn diện, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ngành nghề, đa dạng hoá sản phẩm, tăng hiệu quả kinh tế. Giai đoạn 1990 – 1995, sản xuất lương thực đã tăng dần (128 571 tấn), từng bước đảm bảo nhu cầu cho nhân dân. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng liên tục, năm 1990 đạt 4,432 triệu USD.

Công nghiệp phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân mỗi năm đạt 17%, góp phần quan trọng thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển.

Tiểu thủ công nghiệp phát triển nhanh từ cơ cấu ngành nghề đến tổ chức sản xuất. Cùng với các ngành nghề thủ công truyền thống, trong thời kì đầu mới chia tách tỉnh, các hợp tác xã cơ khí lần lượt được hình thành, chế tạo gần 1 000 tấn sản phẩm cơ khí, phục vụ sản xuất nông nghiệp cho Quảng Bình và các tỉnh trong khu vực.

Thương mại phát triển cả nội và ngoại thương. Mạng lưới kinh doanh phục vụ phát triển nhanh, quy mô ngày càng tăng. Tổng kim ngạch xuất – nhập khẩu năm 1990 đạt mức 10,993 triệu USD.

* Văn hoá – xã hội

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo phát triển toàn diện cả về quy mô, chất lượng, hình thức đào tạo và cơ sở vật chất. Mạng lưới trường lớp được tăng cường nâng cấp đáng kể, quy mô giáo dục và đào tạo được nâng lên. Triển khai thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia trên địa bàn tỉnh, chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân từng bước được cải thiện. Phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho các gia đình chính sách và gia đình có công với cách mạng được quan tâm thực hiện tốt. Hoạt động văn hoá, nghệ thuật phát triển đa dạng, phong phú, giữ gìn được bản sắc truyền thống văn hoá các dân tộc.



Nêu điểm mới về chủ trương phát triển kinh tế, xã hội ở tỉnh Quảng Bình từ năm 1989 đến năm 1991.



1. Vẽ sơ đồ tư duy những nét chính về lịch sử tỉnh Quảng Bình từ năm 1918 đến năm 1991.

2. Lập bảng thống kê (theo mẫu gợi ý) về công cuộc kháng chiến của quân dân Quảng Bình từ năm 1945 đến năm 1975. Em có nhận xét gì về các cuộc kháng chiến trong thời kì này.

Tên cuộc kháng chiến	Địa điểm	Thời gian	Nét chính	Nhận xét
?	?	?	?	?
?	?	?	?	?



1. Tập làm hướng dẫn viên: Giới thiệu sơ lược về tình hình Quảng Bình từ năm 1918 đến năm 1991.
2. Sưu tầm và giới thiệu một phong trào đấu tranh/ thắng lợi tiêu biểu trong thời kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954) hoặc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) ở địa phương em hoặc ở tỉnh Quảng Bình mà em biết.
Lưu ý: Bài viết giới thiệu một phong trào đấu tranh/ thắng lợi tiêu biểu cần nêu được: tên phong trào/ thắng lợi, những sự kiện chính, ý nghĩa,...

Bài 3. LÀNG CHIẾN ĐẤU Ở VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Khái quát được các làng chiến đấu ở Quảng Bình trong thời kì chống Pháp (bản đồ kèm theo).
- Giới thiệu được đặc điểm địa thế, quá trình rào làng chiến đấu chống các cuộc hành quân càn quét của Pháp, những nét độc đáo của hai làng kháng chiến Cự Nẫm và Cảnh Dương.
- Thực hiện được một số việc làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ làng xã tại địa phương nói chung, hai làng Cự Nẫm và Cảnh Dương nói riêng.



Trong kháng chiến chống Pháp, các làng chiến đấu ở Quảng Bình đã trở thành một mẫu hình quan trọng có tính chiến lược cho chủ trương “bám lấy thắt lưng địch mà đánh” của Đảng. Đó là sự đóng góp điển hình của Quảng Bình vào kho tàng di sản quân sự Việt Nam.



Chia sẻ hiểu biết của bản thân em về một hoặc một số làng chiến đấu ở Quảng Bình.



1. Khái quát các làng chiến đấu ở Quảng Bình thời kì kháng chiến chống Pháp

Làng chiến đấu chính là nền tảng để tiến hành chiến tranh nhân dân. Đây là một hình thức căn cứ địa cấp cơ sở, là chỗ dựa để phá tan âm mưu vơ vét sức người, sức của của địch và là nơi bồi dưỡng, tích lũy tiềm lực kháng chiến của ta. Làng chiến đấu còn là nơi động viên tinh thần yêu nước, ý chí quyết tâm kháng chiến của nhân dân, là cơ sở để huy động sức người, sức của phục vụ kháng chiến.

Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, làng chiến đấu được xây dựng rộng khắp trên đất Quảng Bình từ ven biển, ven sông đến vùng đồng bằng, đồi núi,... Những làng chiến đấu tiêu biểu ở Quảng Bình trong kháng chiến chống Pháp có thể kể đến: Cự Nẫm (Bố Trạch), Cảnh Dương (Quảng Trạch), Hưng Đạo (Lệ Thủy), Hiên Lộc (Quảng Ninh).



Hình 3.1. Bản đồ đơn vị hành chính tỉnh Quảng Bình



1. Em hiểu thế nào là làng chiến đấu?
2. Đọc thông tin và quan sát hình 3.1, nhận xét về tình hình xây dựng các làng chiến đấu ở Quảng Bình thời kì chống Pháp.

2. Một số làng chiến đấu ở Quảng Bình

a. Làng chiến đấu Cự Nấm

Làng Cự Nấm nằm trên trục đường Tỉnh lộ 2, đoạn từ Hoàn Lão đi Khương Hà, Phong Nha, cách huyện lỵ Bố Trạch 15km về phía Tây Bắc. Phía Tây làng có khe Cái Trong đổ ra sông Son để sau đó hợp với sông Gianh đổ ra biển; phía Bắc có đường xe lửa xuyên Việt chạy qua. Xung quanh làng có nhiều cao điểm độc lập hoặc liên hoàn như Cồn Tro, Cồn Nàn, Rú Nguồn, Đồng Dôn, Hố Đá,... rất thuận lợi cho việc bố trí binh, hỏa lực tấn công và phòng thủ. Cự Nấm còn nằm trên đường liên lạc bí mật của tỉnh, là tiền đồn phía Đông, là chiếc áo giáp bên ngoài của vùng tự do Bố Trạch và của cả tỉnh (lúc bấy giờ cơ quan lãnh đạo kháng chiến huyện đóng ở Hà Lồi, Cổ Giang, Troóc, Củ Lạ). Cự Nấm là vựa lúa của huyện Bố Trạch, là cửa ngõ giữa vùng sau lưng địch và vùng tự do.

Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, quán triệt đường lối kháng chiến của Đảng, Tỉnh uỷ Quảng Bình chủ trương thành lập “làng chiến đấu” để động viên toàn dân kháng chiến. Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ Quảng Bình, Huyện uỷ Bố Trạch đã chỉ đạo chi bộ Đảng ở Cự Nấm lãnh đạo nhân dân rào làng chiến đấu.



Hình 3.2. Bia công tích nằm ở đầu làng Cự Nấm (xã Cự Nấm, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình)

Cuối năm 1946, được Đại đội 3, Chi đội Lê Trực giúp đỡ, nhân dân Cự Nấm đã rào làng thành ba tuyến (rào cao 3 mét). Bên trong các tuyến rào là giao thông hào chạy xuyên các tuyến, chằng chịt như bàn cờ để du kích cơ động ẩn nấp. Nhân dân đào hầm bí mật, hố chiến đấu, đặt bẫy, gài chông. Cả làng chỉ có hai lối vào, ra, được du kích túc trực canh gác thường xuyên. Vòng ngoài được bố trí 9 vọng gác trên các ngọn đồi cao để kiểm soát người qua lại trong vùng. Mỗi vọng gác đều có hiệu lệnh riêng, hiệu lệnh chỉ huy là tiếng trống, tiếng mõ. Trống lệnh được đặt ở vị trí vừa bí mật, vừa thuận lợi cho việc phát lệnh trong mọi tình huống. Phương án chiến đấu thống nhất giữa Sở chỉ huy với các vọng gác, lực lượng du kích và nhân dân. Những trận địa phục kích, tập kích, đón lõng,... ở Rú Nguồn, Cồn Tro, Cồn Nàn,... được chuẩn bị và tập dượt chu đáo.

Sau khi chiếm đóng thị xã Đồng Hới, thị trấn Hoàn Lão và một số xã ven Quốc lộ 1A, thực dân Pháp mở các cuộc hành quân đánh vào Cự Nẫm. Từ tháng 4 – 1947 đến cuối tháng 2 – 1948, chúng đã tiến hành 26 cuộc càn quét, với các hướng tấn công khác nhau. Trong những ngày tháng quyết liệt ấy, quân dân Cự Nẫm đã lập công xuất sắc, thắng địch bằng những trận oanh liệt, tiêu diệt 87 tên, bảo vệ được đất đai, tài sản và tính mạng của nhân dân.

Lo sợ “một làng chiến đấu kiểu mẫu” như Cự Nẫm sẽ lan ra nhiều nơi ở Quảng Bình, trong các ngày 1, 2 và 3 – 3 – 1948, thực dân Pháp mở một cuộc hành quân lớn nhằm tiêu diệt lực lượng ta, san bằng Cự Nẫm. Địch đã huy động trên 250 quân cho trận càn, bắt 200 dân thường đi theo làm bia đỡ đạn cho chúng. Về vũ khí, ngoài súng cá nhân, địch còn trang bị thêm 1 đại bác 75 li, 12 xe Jép, 30 ô tô, 7 ca nô.

Để đối phó với cuộc hành quân lớn của địch, ta huy động 3 đại đội Vệ quốc đoàn, 1 đại đội du kích huyện và lực lượng dân quân tại chỗ. Vũ khí gồm súng trường, badôka, bom, địa lôi và dao, kiếm,...

4 giờ chiều ngày 1 – 3 – 1948, lực lượng của địch đến gần Rú Nguồn. Một tổ cảm tử quân của Cự Nẫm do Nguyễn Triêm chỉ huy đã đặt 3 quả bom ở cuối Dốc Dôn. Địch tiến vào, ta bất ngờ giật bom, diệt 45 tên địch và làm bị thương 12 tên. Ngày 2 – 3 – 1948, địch cho đại bác và súng cối bắn vào ven rừng Khương Hà và Cổ Giang để dọn đường, sau đó chúng cho 90 tên lính men theo đường rừng tiến vào Cự Nẫm. Đại đội 3 đánh trả quyết liệt làm địch không thể vào làng được. Đến chiều, ta tổ chức phản kích mạnh ở Rào Bùng, Gia Hưng, tiêu diệt thêm nhiều sinh lực địch.

Sáng ngày 3 – 3 – 1948, ta và địch tiếp tục giành giật nhau từng vị trí, đến chiều địch phải rút quân ở nhiều nơi. Tối đến, lực lượng địch có viện binh, so sánh lực lượng, vũ khí giữa ta và địch quá chênh lệch nên ta chủ động rút lui về tuyến thứ hai. Sau 3 ngày chiến đấu, quân và dân Cự Nẫm đã tiêu diệt gần 100 tên địch, phá hỏng 4 xe quân sự, 1 ca nô; phía ta hi sinh 30 người, bị cướp mất 70 trâu, bò.

Sau khi lực lượng vũ trang rút về tuyến 2, nhân dân Cự Nẫm chấp hành chủ trương của Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã thực hiện triệt để tản cư làm “vườn không nhà trống”, lực lượng của ta vẫn duy trì và phát triển chiến tranh du kích, tổ chức quấy phá, tiêu hao địch, đánh bại trên dưới 30 trận càn, đưa địch lùi dần vào thế bị động, phải luôn luôn đối phó với du kích của ta.

Tháng 2 – 1951, trước tinh thần chiến đấu gan dạ của quân dân Cự Nẫm, thực dân Pháp buộc phải rút quân khỏi Cự Nẫm và các vị trí xung quanh. Sau khi địch rút, nhân dân Cự Nẫm từ vùng tản cư trở về làng tiếp tục cuộc kháng chiến. Quân dân Cự Nẫm vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng quê hương. Trung đội du kích tập trung của Cự Nẫm trở thành lực lượng nòng cốt trong đại đội bộ đội địa phương đầu tiên của lực lượng vũ trang Quảng Bình.

Cự Nẫm là làng chiến đấu ra đời đầu tiên, là “làng chiến đấu kiểu mẫu” ở Quảng Bình. Nhân dân Cự Nẫm đã vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng. Những kinh nghiệm qua thực tế ở Cự Nẫm đã đóng góp vào kho tàng chiến tranh của dân tộc, làm sâu sắc hơn nghệ thuật quân sự Việt Nam. Với những chiến công vang dội trong kháng chiến chống thực dân Pháp, cùng với những thành tích xuất sắc trong những năm chống đế quốc Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, năm 1966 và năm 1970, hai lần Cự Nẫm vinh dự được Nhà nước tuyên dương đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 1985, Cự Nẫm đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba.



Nêu một số nét chính về đặc điểm địa thế, quá trình rào làng chiến đấu chống các cuộc hành quân càn quét của Pháp, những nét độc đáo của làng chiến đấu Cự Nẫm. Em ấn tượng với đặc điểm nào nhất? Vì sao?

b. Làng chiến đấu Cảnh Dương

Cảnh Dương là một xã thuộc huyện Quảng Trạch. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Cảnh Dương có vị trí chiến lược hết sức quan trọng: là cầu nối liên vùng tự do Thanh – Nghệ Tĩnh với phân khu chiến trường Bình – Trị – Thiên, là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Quảng Bình.



Hình 3.3. Phù điêu làng chiến đấu Cảnh Dương

Cảnh Dương nằm sát biển, gần Quốc lộ 1A, rất thuận tiện cho việc tiến quân cả đường thủy và đường bộ. Nếu chiếm được Cảnh Dương thì cả khu vực Roòn dễ dàng nằm trong vòng kiểm soát của thực dân Pháp.

Nhận rõ vị trí xung yếu của vùng đất này, ngay sau ngày toàn quốc kháng chiến, Huyện ủy Quảng Trạch đã chỉ đạo chi bộ xã Cảnh Dương phát động toàn dân chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. Hàng trăm người đã lên rừng chặt gỗ; các gia đình đã dỡ nhà để

lấy cột, kèo, đòn tay rào làng chiến đấu. Cả làng được che chở trong ba lớp rào. Hàng trăm thùng gỗ dùng để chế biến nước mắm đã được huy động dựng cát dựng thành lũy, hàng trăm tường nhà đã được đục thủng làm đường giao thông để dân quân du kích di chuyển trong chiến đấu. Để ngăn chặn tàu địch đánh vào cửa biển, nhân dân Cảnh Dương đã tiến hành ngăn sông Roòn. Họ dùng 28 chiếc ghe có trọng tải từ 20 đến 60 tấn xếp đá vào, đánh chìm dưới nước, chất kè đá thêm ở hai đầu bờ sông làm thành một kè dài từ đầu làng sang bến đò thôn Bắc Hà. Ở cửa lạch, nhân dân đóng cọc bằng gỗ để bịt luồng chính. Trên ba hướng vào làng đều có đặt vọng gác, trạm quan sát tàu biển, quy định lệnh báo động, cất cử người tuần tra canh gác suốt ngày đêm. Cảnh Dương thành một làng chiến đấu, đủ sức đánh bại các cuộc tấn công có quy mô lớn của thực dân Pháp.

Giữa năm 1948, sau khi chiếm xong Thanh Khê, Ba Đồn, thực dân Pháp đã mở nhiều trận càn ra khu vực Roòn, hòng chiếm giữ đèo Ngang, cắt đứt mọi sự chi viện của ta từ miền Bắc vào chiến trường Bình – Trị – Thiên qua Quốc lộ 1A và đường biển. Ngày 6 – 5 – 1948, thực dân Pháp huy động hơn 300 tên chia làm hai mũi tấn công vào Cảnh Dương nhưng đều vấp phải sự chống trả quyết liệt của lực lượng dân quân du kích. Địch không chiếm được Cảnh Dương buộc phải rút quân. Thắng lợi trong trận càn này đã cổ vũ thêm tinh thần quyết tâm đánh giặc giữ làng của nhân dân Cảnh Dương.

Năm 1953, thực hiện kế hoạch tiến công chiến lược của Nava, thực dân Pháp lại liều lĩnh tấn công vào Cảnh Dương một lần nữa. Vào đêm ngày 3 – 6 – 1953, quân địch lợi dụng đêm tối đổ quân ở Di Luân, Di Lộc rồi áp sát hàng rào của làng. Dân quân Cảnh Dương sau phút bất ngờ đã kịp thời tổ chức phản kích quyết liệt. Trong trận này du kích Cảnh Dương đã bị thiệt hại nặng song vẫn đánh bật được quân Pháp ra khỏi làng.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, nhân dân Cảnh Dương không những chống trả hơn 120 trận càn lớn nhỏ (trong đó đã đánh bại 4 trận càn có quy mô lớn), tiêu diệt 84 tên địch và làm bị thương 112 tên, mà còn làm tốt công tác hậu phương, phục vụ chiến đấu, đóng góp hơn 5.000 ngày công vận tải đường bộ, có 237 người nhập ngũ,...

Tên tuổi làng chiến đấu Cảnh Dương đã trở thành một biểu tượng mẫu mực đối với nhân dân Quảng Bình cũng như nhân dân cả nước. Với những đóng góp to lớn và lập được nhiều thành tích trong kháng chiến chống Pháp, Cảnh Dương đã được Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý: 1 Huân chương Chiến công hạng Nhất, 2 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 1 Huân chương Chiến công hạng Ba và 1 Huân chương Quân công hạng Ba. Ngày 2 – 9 – 1976, Cảnh Dương đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.



Nêu một số nét chính về đặc điểm địa thế, quá trình rào làng chiến đấu chống các cuộc hành quân càn quét của Pháp, những nét độc đáo của làng chiến đấu Cảnh Dương. Em ấn tượng với đặc điểm nào nhất? Vì sao?



1. Lập bảng thống kê các làng chiến đấu ở vùng đất Quảng Bình theo mẫu sau:

Tên làng chiến đấu	Địa điểm	Nét độc đáo
?	?	?

2. Xây dựng dự án giới thiệu về các làng chiến đấu ở vùng đất Quảng Bình trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

TÊN DỰ ÁN:

1. Họ và tên (Nhóm thực hiện):
2. Thời gian thực hiện:
3. Mục tiêu dự án:
4. Lập kế hoạch dự án:
 - Phân công nhiệm vụ và chuẩn bị các nội dung:
 - Tìm hiểu các thông tin về làng chiến đấu:
 - + Tên làng chiến đấu:
 - + Vị trí (địa điểm) có làng chiến đấu:
 - + Đặc điểm của làng chiến đấu:
 - + Quá trình rào làng chiến đấu chống các cuộc hành quân càn quét của Pháp:
 - + Nét độc đáo:
5. Các bước thực hiện dự án:
6. Trình bày kết quả và đánh giá:



Lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:

1. **Sưu tầm tư liệu, hình ảnh về một làng chiến đấu ở Quảng Bình và giới thiệu trước lớp.**
2. **Trường học của em đang chuẩn bị tổ chức buổi triển lãm về lịch sử các làng chiến đấu ở Quảng Bình. Em hãy vẽ một bức tranh hoặc viết báo cáo thuyết trình về chủ đề làng chiến đấu ở Quảng Bình thời kháng chiến chống Pháp.**

Bài 4. NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TỈNH QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Trình bày được thực trạng phát triển và phân bố ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Quảng Bình.
- Phân tích được một số xu hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Quảng Bình.
- Nhận xét được biểu đồ, bảng số liệu về tình hình phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Quảng Bình.



Quảng Bình là một tỉnh có nhiều tiềm năng và thế mạnh phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản. Vậy ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có những đóng góp như thế nào đối với nền kinh tế? Xu hướng phát triển của ngành trong thời gian tới ra sao?



1. Thực trạng phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh Quảng Bình

Trong những năm gần đây, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh Quảng Bình đã có những bước chuyển biến và đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp 19,2% (năm 2023) trong cơ cấu GRDP của tỉnh. Cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng giảm dần tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng thủy sản và lâm nghiệp. Tuy nhiên, nông nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản.

a. Nông nghiệp

* Trồng trọt

Cây hàng năm: Diện tích trồng cây hàng năm của tỉnh Quảng Bình năm 2023 là 83.2 nghìn ha. Lệ Thủy là huyện có diện tích trồng cây hàng năm lớn nhất tỉnh (24,3 nghìn ha).

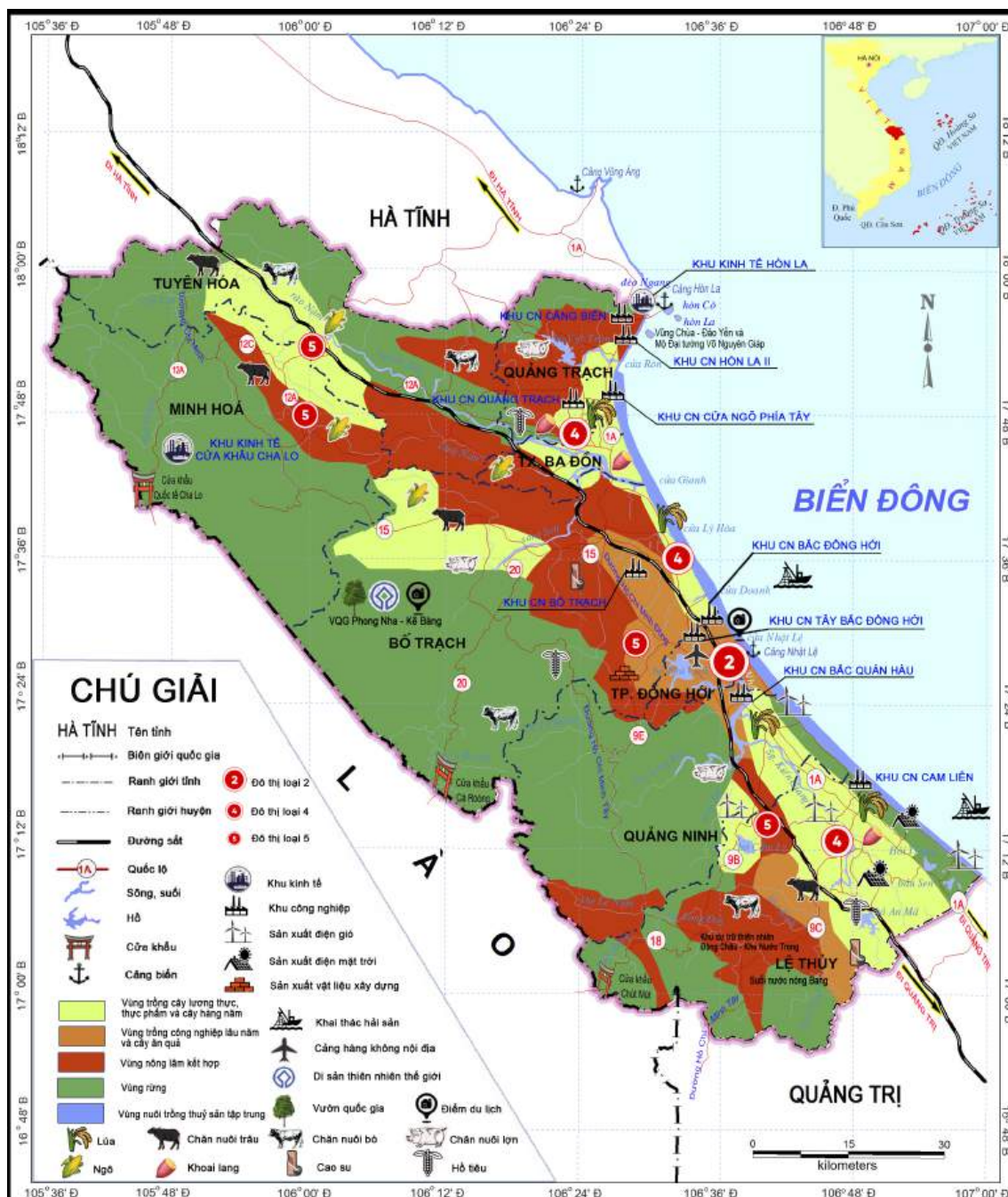
Sản lượng lương thực năm 2023 của tỉnh Quảng Bình đạt khoảng 308 nghìn tấn. Trong đó, lúa là cây lương thực chính của tỉnh, chiếm hơn 90% sản lượng lương thực.

Các cây hàng năm được trồng nhiều là ngô, khoai, sắn, rau, lạc, đậu các loại,...

Bảng 4.1. Diện tích gieo trồng và sản lượng lương thực có hạt của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2013 – 2023

Cây trồng	2013	2015	2018	2020	2022	2023
Diện tích (nghìn ha)	58,1	58,9	59,1	57,6	57,6	57,5
Sản lượng (Nghìn tấn)	274	299,1	310,4	297,5	297,2	308,4

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2023)



Hình 4.1. Bản đồ kinh tế Quảng Bình năm 2023

Cây lâu năm:

Bảng 4.2. Diện tích trồng cây lâu năm của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 – 2023

(Đơn vị: nghìn ha)

Cây trồng	2018	2020	2022	2023
Cây ăn quả	3,84	4,04	4,19	4,29
Cây công nghiệp lâu năm	15,68	13,82	13,63	17,9

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2023)

– Cây ăn quả: được trồng nhiều là cam, nhãn, bưởi, xoài. Trong đó, bưởi có diện tích và sản lượng lớn nhất. Năm 2023, diện tích trồng bưởi của tỉnh là 395,7 ha, sản lượng đạt hơn 1,6 nghìn tấn.

– Cây công nghiệp lâu năm: Cao su là cây trồng có diện tích và sản lượng lớn nhất. Năm 2023, tỉnh Quảng Bình có khoảng hơn 12,2 nghìn ha trồng cao su, sản lượng thu được đạt 8,01 nghìn tấn. Ngoài ra, tỉnh còn trồng cây hồ tiêu, chè, cây lấy quả chứa dầu.

Hiện nay, trong lĩnh vực trồng trọt nhiều tiến bộ kĩ thuật, công nghệ mới có hiệu quả được nhân rộng, hướng tới nền nông nghiệp sạch, hữu cơ, công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Điển hình như quy trình sản xuất an toàn theo hướng VietGAP trong sản xuất dưa hấu tại xã Hàm Ninh (Quảng Ninh); rau xanh các loại ở Cam Thủy (Lệ Thủy); trồng tỏi ở xã Quảng Hoà (Ba Đồn); một số mô hình ứng dụng công nghệ cao như hợp tác xã nông nghiệp, công nghệ cao Kiến Giang (Lệ Thủy);...

EM CÓ BIẾT?

Trồng rau an toàn – kết hợp du lịch trải nghiệm

Ngày nay, cùng với sự phát triển của xã hội thì nhận thức của người sản xuất cũng dần được nâng cao, bà con đã bắt đầu quan tâm đến việc sản xuất và phát triển rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm. Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã có nhiều mô hình sản xuất rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP. Sản xuất nông

nghiệp sạch kết hợp với du lịch trải nghiệm đang là hướng đi bền vững. Sự kết hợp giữa sản xuất với hoạt động du lịch tạo cho du khách có thêm những trải nghiệm thú vị về cuộc sống, nhờ vậy bà con nông dân sẽ bán được sản phẩm nông nghiệp nhiều hơn, góp phần gia tăng lợi ích kinh tế.

Nguồn: <https://quangbinh.gov.vn>

* Chăn nuôi

Ngành chăn nuôi của tỉnh Quảng Bình đã có sự chuyển biến về số lượng và chất lượng. Các vật nuôi chủ yếu là: trâu, bò, lợn, dê và gia cầm.

Bảng 4.3. Số lượng gia súc, gia cầm của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 – 2023

Vật nuôi	2018	2020	2022	2023
Trâu (nghìn con)	34,9	33,7	32,9	31,8
Bò (nghìn con)	104,7	104,6	98,9	87,5
Lợn (nghìn con)	332,2	237,2	256,9	266,5
Dê (nghìn con)	12	11,5	11,6	11,9
Gia cầm (triệu con)	3 878,4	4 978	5 863	5 973,6

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2023)

Chăn nuôi chuyển theo hướng trang trại, bán công nghiệp, đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường; việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất được đẩy mạnh, liên kết trong chăn nuôi được tăng cường; phát triển chăn nuôi ở những vùng có lợi thế: Vùng biển, ven biển tập trung phát triển chăn nuôi lợn, gà; vùng đồng bằng chú trọng phát triển trâu, bò, lợn, gà, vịt; vùng gò đồi đẩy mạnh chăn nuôi gia súc (trâu, bò, dê,...) và gia cầm thả vườn. Ngoài ra, các vật nuôi có giá trị cao như lợn rừng, đà điểu, dê, thỏ, hươu, nhím, vịt trời, chim yến,... cũng được đưa vào nuôi với quy mô trang trại theo lợi thế từng địa phương.



Hình 4.2. Khu chăn nuôi gia súc tập trung ở thôn 3 Yên Thọ, xã Tân Hoá (Minh Hoá)



Dựa vào thông tin và hình 4.1, trình bày thực trạng phát triển và phân bố ngành trồng trọt và chăn nuôi của tỉnh Quảng Bình.

b. Lâm nghiệp

Ngành lâm nghiệp của tỉnh Quảng Bình có nhiều thành tựu, từng bước xã hội hoá, rừng được bảo vệ và phát triển, với độ che phủ đạt 68,7% (đứng thứ 2 toàn quốc). Diện tích đất lâm nghiệp chiếm 76,9% diện tích tự nhiên của tỉnh (năm 2023). Đây là tiềm năng phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững và phát huy các giá trị về đa dạng sinh học, phòng hộ, cảnh quan, du lịch sinh thái và dịch vụ môi trường rừng.

Bảng 4.4. Hiện trạng rừng của tỉnh Quảng Bình và cả nước năm 2023

Hiện trạng rừng	Tổng diện tích có rừng (nghìn ha)	Diện tích rừng tự nhiên (nghìn ha)	Diện tích rừng trồng (nghìn ha)	Tỉ lệ che phủ rừng (%)
Quảng Bình	591,4	470	121,4	68,7
Cả nước	14 860,2	10 129,7	4 730,5	42

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

Sản xuất lâm nghiệp đã có bước chuyển dịch căn bản từ khai thác gỗ rừng tự nhiên là chủ yếu sang kinh doanh rừng trồng và quản lý bền vững diện tích rừng tự nhiên. Trong giai đoạn năm 2013 – 2023, diện tích trồng rừng đạt bình quân 7 000 ha/năm; diện tích khai thác rừng trồng bình quân đạt 8 200 ha/năm và sản lượng khai thác 320 000 m³/năm.

Hiện nay, trồng rừng gỗ lớn phát triển, góp phần bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nâng cao sinh kế cho người dân miền núi.



Dựa vào thông tin, nhận xét hiện trạng rừng của tỉnh Quảng Bình so với cả nước năm 2023.

c. Thủy sản

Lĩnh vực thủy sản phát triển đồng bộ cả khai thác lẫn nuôi trồng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Khai thác hải sản phát triển theo hướng đẩy mạnh đánh bắt xa bờ bền vững, hạn chế khai thác gần bờ. Trong cơ cấu sản lượng thủy sản của Quảng Bình, sản lượng thủy sản khai thác chiếm ưu thế nổi trội.

Bảng 4.5. Quy mô sản lượng thủy sản của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 – 2023

(Đơn vị: nghìn tấn)

Sản lượng thủy sản	2018	2020	2022	2023
Khai thác	64,2	74	80	83,8
Nuôi trồng	11,5	12,3	13,1	13,2

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2023)

Nuôi trồng thủy sản từng bước phát triển theo hướng bền vững, đa dạng hoá đối tượng nuôi, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Sản phẩm nuôi trồng thủy sản chính là tôm thẻ chân trắng, tôm sú, cá nước ngọt truyền thống như cá trắm cỏ, cá lóc, cá chép,...

Bảng 4.6. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản
phân theo huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Quảng Bình

(Đơn vị: ha)

Đơn vị hành chính	2018	2020	2022	2023
Thành phố Đồng Hới	386,1	355,5	290,7	286,9
Thị xã Ba Đồn	472,2	468	473	472,5
Huyện Minh Hoá	34,3	34,5	36,4	36,9
Huyện Tuyên Hoá	74,9	79,1	82,4	82,9
Huyện Quảng Trạch	266,9	248,6	239,8	243,3
Huyện Bố Trạch	1 718,7	2 022,6	1 914,7	1 892,2
Huyện Quảng Ninh	1 284,7	1 311,8	1 204,9	1 176,3
Huyện Lệ Thủy	2 243	2 429,6	2 347,8	2 581,0

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2023)

Các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đều có lợi thế phát triển thủy sản, trong đó phát triển mạnh nhất là huyện Lệ Thủy, sau đó là huyện Bố Trạch. Năm 2023, sản lượng thủy sản của cả tỉnh đạt 93,1 nghìn tấn.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tỉnh Quảng Bình vẫn còn những hạn chế. Quy mô sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhỏ, năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản còn thấp. Chăn nuôi tập trung, chăn nuôi trang trại theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp phát triển còn chậm. Diện tích đất lâm nghiệp giao cho các hộ gia đình manh mún, nhỏ lẻ khó tổ chức sản xuất quy mô lớn. Đa số các vùng nuôi thủy sản trên địa bàn chưa có quy hoạch chi tiết, vốn đầu tư trong nuôi trồng thủy sản còn khó khăn; tỉnh Quảng Bình nằm trong khu vực chịu tần suất bão cao, tình trạng khai thác thủy sản quá mức dẫn đến nguồn lợi suy giảm,... ảnh hưởng không nhỏ đến ngành đánh bắt nuôi trồng thủy sản.



Dựa vào thông tin và hình 4.1:

1. Trình bày thực trạng phát triển và phân bố ngành thủy sản của tỉnh Quảng Bình.
2. Nhận xét về diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản phân theo huyện, thị xã, thành phố.

2. Xu hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh Quảng Bình

Chú trọng phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng theo từng vùng sinh thái có tiềm năng, lợi thế. Gắn kết chặt chẽ sản xuất với bảo quản, chế biến, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ để nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm.

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hoá, giá trị gia tăng cao, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao.



Hình 4.3. Mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ tại thị xã Ba Đồn



Dựa vào thông tin, phân tích một số xu hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh Quảng Bình. Lấy ví dụ cụ thể.



Dựa vào bảng 4.2:

1. Vẽ biểu đồ thể hiện diện tích trồng cây lâu năm của tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2018 – 2023.
2. Rút ra nhận xét từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ.



Tìm hiểu thông tin về một số hướng phát triển nông nghiệp xanh tại địa phương em.

Bài 5. NGÀNH CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

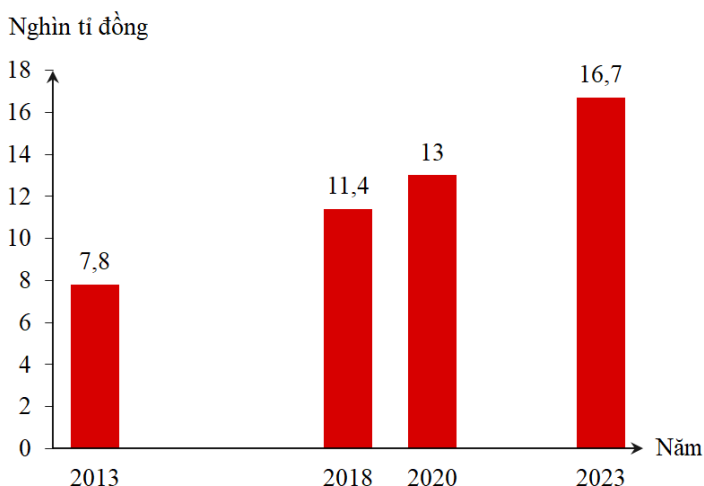
- Trình bày được thực trạng phát triển ngành công nghiệp tỉnh Quảng Bình.
- Nhận xét được biểu đồ, bảng số liệu về tình hình phát triển ngành công nghiệp tỉnh Quảng Bình.
- Phân tích được một số xu hướng phát triển của ngành công nghiệp tỉnh Quảng Bình.



Trong quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, lĩnh vực công nghiệp được xem là ngành kinh tế trọng điểm mang tính động lực để thực hiện mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vậy thực trạng và xu hướng phát triển ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Bình như thế nào?



1. Thực trạng phát triển ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Bình



Hình 5.1. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2013 – 2023 (theo giá so sánh năm 2010)

Tỉnh Quảng Bình có giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng liên tục qua các năm, tốc độ tăng trưởng cao. Năm 2023, giá trị sản xuất ngành công nghiệp đạt 16,7 nghìn tỉ đồng. Các ngành công nghiệp có lợi thế như sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm, thủy sản được tập trung đầu tư mở rộng, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp được khôi phục và phát triển.

Chỉ số sản xuất công nghiệp phân theo ngành công nghiệp tăng, trong đó nhóm ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước tăng nhanh nhất.

Bảng 5.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp phân theo ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2013 – 2023

(Đơn vị: %)

Ngành công nghiệp	2013	2018	2020	2022	2023
Nhóm ngành công nghiệp khai khoáng	104,7	106,3	104,7	116,1	94,2
Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo	109,2	107,4	105,4	106,4	106,6
Nhóm ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	103,2	106	107,8	178,6	117

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2023)

Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu bao gồm:

- Công nghiệp khai khoáng: đá xây dựng, cát tự nhiên, cao lanh và đất sét, quặng titan và tinh quặng titan,...
- Công nghiệp chế biến, chế tạo: muối biển, tôm cá đông lạnh, nước mắm, gạo xay xát, đồ uống, sản phẩm từ gỗ,...
- Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước: điện gió, điện mặt trời,...



Hình 5.2. Một góc trang trại điện gió B&T

EM CÓ BIẾT?

Quảng Bình thu hút đầu tư năng lượng xanh – hướng đi đột phá

Quảng Bình đẩy mạnh xúc tiến đầu tư vào năng lượng với các dự án điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, thủy điện, điện khí nhằm hiện thực hoá chiến lược phát triển theo hướng kinh tế xanh.

Tiềm năng điện gió ở Quảng Bình rất phong phú, theo tính toán kỹ thuật có thể đạt trên 1.052 MW. Việc xây

dựng các dự án điện gió, đặc biệt là điện gió quy mô công nghiệp là một trong những nỗ lực của tỉnh nhằm giảm sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng hoá thạch, bảo vệ môi trường, góp phần tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững.

Nguồn: <https://baodautu.vn>

Tỉnh Quảng Bình có nhiều cụm công nghiệp và khu công nghiệp đang hoạt động có hiệu quả.

- Cụm công nghiệp: Nghĩa Ninh, Phú Hải, Bắc Nghĩa, Thuận Đức, Tiến Hóa và Lộc Ninh,...
- Khu công nghiệp: Bắc Đồng Hới, Tây Bắc Đồng Hới, Tây Bắc Quán Hàu, Hòn La 2,...

Hiện nay, tỉnh Quảng Bình đang hình thành và phát triển các tiểu vùng công nghiệp: Tiểu vùng công nghiệp phía Bắc tỉnh với hạt nhân là Khu kinh tế Hòn La; Tiểu vùng công nghiệp trung tâm: là khu vực công nghiệp nằm tại thành phố Đồng Hới và vành đai lân cận huyện Bố Trạch, Quảng Ninh; Tiểu vùng công nghiệp phía Nam: bao gồm Khu công nghiệp Cam Liên, Bang và các cụm công nghiệp huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh.

Sản xuất công nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, tăng trưởng còn chậm, chưa có nhiều dự án công nghiệp mới có quy mô và giá trị lớn đi vào hoạt động.



Dựa vào thông tin:

1. Trình bày thực trạng phát triển ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Bình.
2. Nhận xét giá trị sản xuất của ngành công nghiệp giai đoạn 2013 – 2023.
3. Xác định các khu công nghiệp của tỉnh Quảng Bình.

2. Xu hướng phát triển ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Bình

Cơ cấu lại ngành công nghiệp dựa vào lợi thế so sánh, với các ngành năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ.

Phát triển công nghiệp là trọng điểm, trong đó chú trọng, khuyến khích, phát triển công nghiệp xanh.



Dựa vào thông tin, phân tích một số xu hướng phát triển ngành công nghiệp của tỉnh Quảng Bình.



Dựa vào bảng 5.1, hãy nhận xét chỉ số sản xuất công nghiệp của các nhóm ngành: công nghiệp khai khoáng/ công nghiệp chế biến và chế tạo/ công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước của tỉnh Quảng Bình. Nêu hiểu biết của em về một trong các sản phẩm công nghiệp thuộc các nhóm ngành công nghiệp đó.



Tìm hiểu và trình bày thế mạnh, thực trạng phát triển công nghiệp điện gió, điện mặt trời của tỉnh Quảng Bình.

Bài 6. NGÀNH DỊCH VỤ TỈNH QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Trình bày được thực trạng phát triển ngành dịch vụ tỉnh Quảng Bình.
- Phân tích được một số xu hướng phát triển của một số ngành dịch vụ tỉnh Quảng Bình.
- Nhận xét, phân tích được biểu đồ, bảng số liệu của một số ngành dịch vụ tỉnh Quảng Bình.



Dịch vụ là ngành kinh tế có đóng góp lớn nhất trong cơ cấu các ngành kinh tế của tỉnh Quảng Bình, một số ngành dịch vụ được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Vậy đó là những ngành dịch vụ nào? Thực trạng và xu hướng phát triển ra sao?



1. Thực trạng phát triển ngành dịch vụ của tỉnh Quảng Bình

Ngành dịch vụ ngày càng phát triển, đóng góp 50 % trong cơ cấu GRDP của tỉnh (năm 2023). Các lĩnh vực du lịch, giao thông vận tải, thương mại,... được chú trọng đầu tư phát triển theo hướng nâng cao chất lượng và đa dạng hoá.

a. Du lịch

Lượng khách du lịch đến tỉnh Quảng Bình tăng nhanh và mạnh trong giai đoạn 2013 – 2023, số lượt khách du lịch tăng bình quân hơn 26%/năm. Năm 2023, tỉnh Quảng Bình đón 4,5 triệu lượt khách, tổng doanh thu du lịch đạt hơn 5,1 nghìn tỉ đồng.

Thương hiệu du lịch Quảng Bình ngày càng được khẳng định ở tầm quốc gia và khu vực, là điểm sáng trên bản đồ du lịch Việt Nam.



Hình 6.1. Lối vào động Phong Nha

Bảng 6.1. Khách du lịch và tổng doanh thu du lịch của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2013 – 2023

Tiêu chí \ Năm	2013	2015	2023
Khách du lịch (Triệu lượt)	1,1	3,0	4,5
Doanh thu du lịch (Nghìn tỉ đồng, theo giá hiện hành)	1,2	3,3	5,1

(Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế của tỉnh Quảng Bình các năm 2013, 2015, 2023)

EM CÓ BIẾT?

Du lịch Quảng Bình

Phát triển sản phẩm du lịch là một trong những nội dung quan trọng mà tỉnh Quảng Bình đặc biệt quan tâm, nhất là các nhóm sản phẩm du lịch mới, như: Du lịch lễ hội (festival tour), du lịch MICE (du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện), du lịch ban đêm,... Đưa vào khai thác các sản phẩm du lịch tham quan, trải nghiệm đường sông trên các tuyến thủy nội địa, như: Sông Gianh, sông Nhật Lệ, sông Long Đại, sông Son, sông Kiến Giang, quanh hồ thành Đồng Hới.

Hiện nay, Quảng Bình đang đẩy mạnh việc triển khai các chương trình

quảng bá, giới thiệu các giá trị tài nguyên du lịch nổi bật để người dân tự hào và đồng hành cùng chính quyền địa phương, vận động đội ngũ cán bộ, nhân viên trong lĩnh vực du lịch – dịch vụ và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh thực hiện nếp sống văn minh; xây dựng phong trào ứng xử lịch sự, mến khách, tự giác và tích cực tham gia giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường; xây dựng môi trường du lịch xanh, sạch, đẹp, thân thiện, “mỗi người dân là một hướng dẫn viên du lịch”.

Nguồn: <https://dangcongsan.vn>



Dựa vào thông tin:

1. Trình bày thực trạng phát triển ngành du lịch của tỉnh Quảng Bình.
2. Nêu hiểu biết của em về một sản phẩm du lịch ở địa phương.

b. Giao thông vận tải

Tỉnh Quảng Bình đã hình thành nhiều tuyến đường giao thông kết nối với các tỉnh trong khu vực và cả nước, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội.

– Vận tải đường bộ chiếm ưu thế, chiếm hơn 93 % số lượt hành khách và 98 % khối lượng hàng hoá vận chuyển (năm 2023). Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình hiện có khoảng hơn 12 nghìn km đường bộ. Mạng lưới giao thông đường bộ của tỉnh Quảng Bình được kết nối thông suốt, thuận lợi với các vùng khác: trên trục bắc – nam qua tỉnh Quảng Bình là các tuyến đường huyết mạch Quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh; trên trục đông – tây là các tuyến Quốc lộ 12A, 9B, 9C, 9E và hệ thống đường tỉnh kết nối Việt Nam với các nước Lào, Cam-pu-chia và Đông Bắc Thái Lan.

– Tuyến đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là tuyến đường sắt Bắc– Nam, đoạn qua địa phận tỉnh có chiều dài 174,5 km.

– Về đường thuỷ nội địa, tỉnh Quảng Bình có tổng chiều dài hệ thống sông, suối là 1 241 km.

– Hệ thống cảng biển gồm có 02 khu bến Hòn La, Sông Gianh với các tuyến vận tải biển quốc tế và nội địa.

– Cảng hàng không Đồng Hới là một lợi thế quan trọng, kết nối tỉnh Quảng Bình với Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.



Hình 6.2. Cảng Hòn La



Dựa vào thông tin và hình 4.1:

1. Trình bày thực trạng phát triển giao thông vận tải của tỉnh Quảng Bình.
2. Xác định các tuyến đường bộ chính, đường sắt, cảng biển, cảng hàng không.
3. Cho biết vai trò của mạng lưới giao thông vận tải đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Bình.

c. Thương mại

Hoạt động nội thương của tỉnh phát triển, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cao và tăng liên tục.

Bảng 6.2. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành phân theo ngành kinh doanh của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 – 2023

(Đơn vị: Nghìn tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Bán lẻ hàng hoá	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Du lịch lữ hành	Dịch vụ khác
2018	38,14	32,58	3,75	0,27	1,54
2020	42,83	37,53	3,27	0,13	1,89
2022	48,25	41,77	4,05	0,35	2,08
2023	53,45	45,97	4,55	0,45	2,47

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2023)

Hoạt động ngoại thương cũng phát triển, hàng hoá xuất, nhập khẩu chủ yếu thông qua cửa khẩu quốc tế Cha Lo.



Dựa vào thông tin, trình bày thực trạng phát triển ngành thương mại của tỉnh Quảng Bình.

Tuy nhiên, ngành dịch vụ tỉnh Quảng Bình vẫn còn những hạn chế và thách thức. Hoạt động thương mại chưa làm tốt công tác "cầu nối" giữa sản xuất và tiêu dùng trong tỉnh, chủng loại hàng hóa xuất khẩu đơn điệu, chủ yếu là sản phẩm thô chưa qua chế biến, khả năng cạnh tranh thấp, tính hiệu quả và tính bền vững chưa cao. Du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; tính thời vụ đã và đang là một thách thức lớn đối với du lịch Quảng Bình.

2. Xu hướng phát triển một số ngành dịch vụ của tỉnh Quảng Bình

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại. Bảo đảm kết nối các vùng, các địa phương trong tỉnh, các đầu mối giao thông ngoài tỉnh và cả nước bằng hệ thống giao thông đồng bộ, năng lực vận tải được nâng cao, giao thông thông suốt, an toàn.

Tập trung đầu tư để phát triển du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, khẳng định được thương hiệu du lịch Quảng Bình trên bản đồ du lịch quốc tế; coi đây là khâu đột phá

để tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Khu du lịch quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng trở thành trung tâm du lịch đẳng cấp khu vực Đông Nam Á. Đa dạng hoá các loại hình sản phẩm du lịch: các dịch vụ bổ trợ, đa dạng hoá các sản phẩm du lịch đường sông, biển, du lịch nghỉ dưỡng; phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch văn hoá – lịch sử, du lịch cộng đồng; phát triển các sản phẩm du lịch mới phục vụ khách du lịch.

Đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư, nhằm thu hút các nguồn lực trong nước và nước ngoài để phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển.

Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng và triển khai việc chuyển đổi số, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số.



Dựa vào thông tin, phân tích một số xu hướng phát triển ngành dịch vụ của tỉnh Quảng Bình. Lấy ví dụ cụ thể.



Dựa vào bảng 6.2:

- 1. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân theo ngành kinh doanh của tỉnh Quảng Bình năm 2023.**
- 2. Nhận xét về tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của tỉnh Quảng Bình qua các năm 2018, 2020, 2023.**



Thu thập thông tin, hình ảnh, video về một trong những lĩnh vực sau đây của địa phương em:

- Thực trạng phát triển du lịch.
- Mạng lưới giao thông vận tải.
- Hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại.

Bài 7. THỰC HÀNH VIẾT BÁO CÁO NGẮN VỀ MÔ HÌNH KINH TẾ TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Yêu cầu cần đạt:

- Tìm hiểu và viết được báo cáo ngắn về một mô hình kinh tế tại địa phương (nông nghiệp xanh, nông nghiệp công nghệ cao, trang trại, làng nghề truyền thống, điểm du lịch, dịch vụ vận tải,...)

1. Chuẩn bị

Các tài liệu, số liệu về một mô hình kinh tế tại địa phương:

- Nông nghiệp xanh.
- Nông nghiệp công nghệ cao.
- Trang trại.
- ...
- Làng nghề truyền thống.
- Điểm du lịch.
- Dịch vụ vận tải.

2. Nội dung thực hành

Đọc thông tin, kết hợp với sưu tầm tư liệu, tham quan thực tế (nếu có), viết báo cáo ngắn về một mô hình kinh tế tại địa phương với các nội dung chính sau:

- Giới thiệu khái quát về mô hình kinh tế của địa phương.
- Trình bày phương thức sản xuất của mô hình kinh tế đã lựa chọn.
- Nêu hiệu quả sản xuất của mô hình đó (về kinh tế, xã hội và môi trường).

3. Gợi ý tìm kiếm thông tin

- Tìm kiếm thông tin từ các sách, tạp chí, báo và các tài liệu khác.
- Một số website có tư liệu về mô hình sản xuất hiệu quả:
 - + Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình: <https://quangbinh.gov.vn>
 - + Sở công thương tỉnh Quảng Bình: <https://sct.quangbinh.gov.vn>
 - + Sở du lịch tỉnh Quảng Bình: <https://sdl.quangbinh.gov.vn>
 - + Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình: <https://snn.quangbinh.gov.vn>

Bài 8. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP Ở TỈNH QUẢNG BÌNH VÀ HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH SAU TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ SỞ

Yêu cầu cần đạt:

- Trình bày được hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay ở tỉnh Quảng Bình.
- Tham vấn được ý kiến của người thân, thầy cô về định hướng sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.
- Có quyết định và xây dựng được kế hoạch học tập rèn luyện lựa chọn phù hợp.



Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở có thể lựa chọn học tiếp lên cấp trung học phổ thông hoặc tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Em đã có dự định gì cho bản thân sau tốt nghiệp trung học cơ sở học cơ? Hãy chia sẻ dự định của em.



1. Hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Quảng Bình

Tính đến hết năm 2023, tỉnh Quảng Bình có 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp phân bố tại 8 huyện, thị xã, thành phố gồm: 4 trường cao đẳng (Trường cao đẳng nghề Quảng Bình, trường cao đẳng Kỹ thuật Công – Nông nghiệp Quảng Bình, Trường cao đẳng Y tế Quảng Bình, Trường cao đẳng Luật miền Trung); 3 trường trung cấp (Trường trung cấp Du lịch – Công nghệ số 9, Trường trung cấp nghề Bắc Miền Trung, Trường trung cấp nghề Bình Minh); 8 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên cấp huyện; 1 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và hỗ trợ Nông dân – Phụ nữ tỉnh. Ngoài ra, còn có thêm 1 cơ sở sản xuất có hoạt động giáo dục nghề nghiệp (Công ti may Hà Quảng) và 3 đơn vị có tham gia đào tạo nghề dưới 3 tháng.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025"

theo Quyết định 522/QĐ-Ttg, theo đó học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tham gia học trình độ trung cấp nghề, đồng thời được học chương trình văn hoá trung học phổ thông và liên thông lên trình độ cao đẳng.



1. Trình bày hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Quảng Bình.
2. Học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở tỉnh Quảng Bình có thể lựa chọn những cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào?

2. Giới thiệu một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Quảng Bình

a. Các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên của tỉnh Quảng Bình

Các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên cấp huyện có nhiệm vụ tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ ở trình độ sơ cấp, đào tạo nghề nghiệp dưới 3 tháng; đào tạo theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề, tập nghề; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động trong doanh nghiệp; bồi dưỡng hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động; đào tạo nghề cho lao động nông thôn và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.



Hình 8.1. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Bố Trạch

EM CÓ BIẾT?

Học sinh khi đăng ký học tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên cấp huyện sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở sẽ được:

- Học bổ túc Trung học phổ thông: Sau khi tốt nghiệp được cấp bằng THPT chính quy theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Học nghề (Danh mục các nghề gồm có: Hàn, Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí, Kỹ thuật chế

biến món ăn, Nghiệp vụ nhà hàng, May thời trang, Quản trị khách sạn, Điện công nghiệp và một số ngành nghề khác)

Song song với học văn hoá, học sinh được lựa chọn một trong các nghề phù hợp để học; được miễn phí 100% học phí học nghề; được hỗ trợ học phí học văn hoá trong thời gian học nghề.

b. Trường cao đẳng Nghề Quảng Bình

Trường cao đẳng Nghề Quảng Bình có địa chỉ tại Tổ dân phố 1, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới. Trường thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề ở các cấp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và liên kết đào tạo trình độ đại học.



Hình 8.2. Trường cao đẳng Nghề Quảng Bình



Hình 8.3. Một buổi học tại Trường Cao đẳng Nghề Quảng Bình

Hằng năm, nhà trường tổ chức tuyển sinh và đào tạo cho người học là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông ở trình độ trung cấp (từ 1,5 đến 2 năm) và cao đẳng (từ 2 đến 2,5 năm). Nhà trường có các khoa đào tạo Điện, Cơ khí – Động lực, Du lịch – Dịch vụ và Cơ bản với các ngành nghề đào tạo như: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí, Công nghệ ô tô, Hàn kỹ thuật xây dựng, Cắt gọt kim loại, Kỹ thuật chế biến món ăn, Hướng dẫn du lịch, Công nghệ thông tin, May thời trang, Vận hành thi công nền, Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ, Quản lý và kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống,... Nhà trường có nhiều chính sách ưu đãi cho học sinh, sinh viên đặc biệt đối với học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đi học trung cấp nghề được miễn 100% học phí.

 Hoàn thành bảng về các nghề nghiệp được đào tạo phù hợp với học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở ở tỉnh Quảng Bình.

Nghề	Cơ sở đào tạo	Ghi chú (Thời gian đào tạo, chính sách,...)
?	?	?
?	?	?



1. Lựa chọn và giới thiệu một cơ sở đào tạo nghề ở tỉnh Quảng Bình theo gợi ý sau:

Bước 1

Chuẩn bị: Suu tầm tranh, ảnh, bài viết,... của một cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở địa phương (Tên trường, địa chỉ, nhiệm vụ chính của trường, các nghề đào tạo phù hợp với học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở).

Bước 2

Hoạt động nhóm: Lựa chọn hình thức trình bày và thiết kế sản phẩm (Bài viết trình bày trên giấy hoặc PowerPoint,...).

Bước 3

Trưng bày, triển lãm, giới thiệu sản phẩm.

2. Tham vấn ý kiến của thầy giáo, cô giáo và người thân về định hướng sau tốt nghiệp trung học cơ sở:

- Định hướng học tiếp trung học phổ thông: Những thuận lợi, khó khăn của bản thân; lựa chọn tổ hợp môn học phù hợp với năng lực và nghề nghiệp tương lai;...
- Định hướng học nghề: Những thuận lợi, khó khăn của bản thân; lựa chọn cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với năng lực và nhu cầu của địa phương, xã hội;...

3. Xây dựng kế hoạch rèn luyện, học tập của bản thân phù hợp với định hướng sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

- *Bước 1:* Xác định con đường sau tốt nghiệp trung học cơ sở (học tiếp trung học phổ thông/học nghề).
- *Bước 2:* Tìm hiểu tổ hợp môn học/cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp.
- *Bước 3:* Xây dựng bảng kế hoạch rèn luyện, học tập.



Chia sẻ kế hoạch rèn luyện, học tập với bạn bè và người thân. Cùng bạn bè và người thân thực hiện kế hoạch rèn luyện, học tập.

Bài 9. CÁC NGÀNH NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TỈNH QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Trình bày được thực trạng các ngành nghề, làng nghề truyền thống ở địa phương.
- Nêu được ý nghĩa của mối liên kết giữa các làng nghề với ngành du lịch để phát triển bền vững ở địa phương.
- Trình bày được các giải pháp bảo tồn và phát triển các nghề truyền thống; nâng cao vai trò, vị trí của các ngành nghề và làng nghề đối với phát triển kinh tế địa phương.



Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng



Kể tên các ngành nghề, làng nghề truyền thống ở Quảng Bình mà em biết.



1. Thực trạng các ngành nghề, làng nghề truyền thống ở Quảng Bình

Nghề truyền thống ở Quảng Bình khá phong phú và mang đậm bản sắc văn hoá của từng địa phương với các nghề, làng nghề tiêu biểu như: làm chổi đót (huyện Lệ Thủy, thị xã Ba Đồn), làm chiếu cói (huyện Lệ Thủy), đan lát (huyện Lệ Thủy, thị xã Ba Đồn), làm nón lá (huyện Lệ Thủy, huyện Bố Trạch, huyện Quảng Trạch, thị xã Ba Đồn), rèn đúc (huyện Bố Trạch, thị xã Ba Đồn), làm hương (huyện Bố Trạch), làm nước mắm (huyện Quảng Trạch, huyện Bố Trạch, thành phố Đồng Hới, huyện Quảng Ninh, huyện Lệ Thủy), làm bún, bánh mè xát (huyện Quảng Trạch), làm muối (huyện Quảng Trạch), mây, tre, đan xuất khẩu (thị xã Ba Đồn), làm khoai deo (huyện Quảng Ninh),...

Sản phẩm của các nghề, làng nghề truyền thống ở Quảng Bình đa dạng về mẫu mã và phong phú về chủng loại bao gồm vật dụng, đồ dùng cho gia đình, công cụ sản xuất, các sản phẩm phục vụ nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Có thể kể đến một số sản phẩm như: nón lá, chổi đót, rổ, giá, xoong nồi, hương, muối, nước mắm, bún, hải sản,...

Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2022, ở Quảng Bình có bốn nhóm ngành nghề, đó là: Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở sản xuất trong làng nghề, làng nghề công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có sự biến đổi qua các năm. Cụ thể, từ năm 2015 đến năm 2019, tập trung vào hai nhóm ngành nghề là chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản và sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; năm 2020, 2021, 2022 tập trung vào hai nhóm ngành nghề là chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản và sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ (Xem bảng 9.1).

Bảng 9.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở sản xuất trong làng nghề, làng nghề công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2015 – 2022

STT	Nhóm ngành nghề	Doanh thu (tỷ đồng)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/ lao động/ tháng)	Tổng số lao động	Lao động thường xuyên	Hợp tác xã	Hộ kinh doanh
Năm 2015							
1	Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản	43,2	2,0	3 820	3 820	5	2 090
2	Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ	85,7	2,2	9 280	9 280	3	4 590
Năm 2020							
1	Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản	57,8	2,5	4 255	4 255	8	2 426
2	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	108,5	3	11 526	11 526	4	5 781
Năm 2021							
1	Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản	60,2	2,8	4 368	4 368	8	2 520

2	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	109,6	3,2	11 620	11 620	4	5 850
Năm 2022							
1	Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản	61,3	3	4 450	4 450	9	2 630
2	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	110,2	3,5	11 850	11 850	4	5 980

(Nguồn: Báo cáo số 1187/UBND-KT về tình hình phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, ban hành ngày 16 – 6 – 2023)

Toàn tỉnh Quảng Bình hiện có 29 làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận, trong đó có 19 làng nghề và 10 làng nghề truyền thống, có 6005 cơ sở sản xuất kinh doanh trong làng nghề, làng nghề truyền thống, trong đó có 12 hợp tác xã và 5 993 hộ kinh doanh. Năm 2023, giá trị sản xuất của các làng nghề, làng nghề truyền thống đạt 192,668 tỉ đồng, thu nhập bình quân đạt 3,2 triệu đồng/lao động/tháng, góp phần tích cực nâng cao đời sống người dân và phát triển kinh tế chung toàn tỉnh. (Nguồn: Báo cáo chuyên đề hiện trạng môi trường Khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề tỉnh Quảng Bình năm 2023).

Các cơ sở trong làng nghề ở tỉnh Quảng Bình phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu, phụ liệu từ nông, lâm, thủy sản tại địa phương, chưa tập trung, chưa quy hoạch thành các khu sản xuất, cụm công nghiệp, giá trị sản xuất không lớn. Lao động tại các làng nghề chủ yếu là lao động thủ công chưa qua đào tạo, đa số sử dụng lao động nhàn rỗi tại địa phương, một số làng nghề đã đào tạo được lao động có trình độ sơ cấp nhưng còn ít dẫn đến thu nhập không cao, do đó người dân có xu hướng tìm việc khác phù hợp hơn. Một số làng nghề đang gặp nhiều khó khăn, hoạt động sản xuất ở dạng duy trì (làng nghề đan lát Xuân Bồ, xã Xuân Thủy; làng nghề rèn đúc Mai Hồng, xã Đồng Trạch). Ngoài ra, việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất trong ngành nghề nông thôn và làng nghề còn hạn chế. Thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ yếu là thị trường nội địa, chịu sự cạnh tranh của những mặt hàng cùng chủng loại được sản xuất từ các địa phương khác và sản xuất bằng công nghệ tiên tiến từ các nước trong khu vực. Xuất khẩu chủ yếu qua các khâu trung gian, chịu nhiều chi phí tốn kém. Hệ thống kết cấu hạ tầng hỗ trợ và dịch vụ cho sản

xuất chưa phát triển: Hệ thống giao thông đến các làng nghề, hệ thống thông tin liên lạc, quảng bá sản phẩm, hệ thống các ngành sản xuất hỗ trợ, đặc biệt trong các khâu sản xuất, khai thác và xử lý nguyên vật liệu phục vụ cho các loại ngành nghề còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng kịp với nhu cầu phát triển.



Nhận xét về thực trạng các ngành nghề, làng nghề truyền thống ở Quảng Bình.

2. Làng nghề, làng nghề truyền thống với phát triển du lịch bền vững ở Quảng Bình

Giữa làng nghề và ngành du lịch có mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ, tác động qua lại với nhau. Phát triển du lịch là giải pháp hữu hiệu để phát triển kinh tế – xã hội theo hướng tích cực và bền vững ở mỗi địa phương. Trong đó, các làng nghề tạo được sức hấp dẫn đối với du lịch, du lịch lại góp phần nâng cao giá trị sản phẩm làng nghề. Việc phát triển du lịch làng nghề không chỉ đem lại lợi ích kinh tế, giải quyết việc làm cho nguồn lao động địa phương mà còn giúp giữ gìn và bảo tồn những giá trị văn hóa của dân tộc, đồng thời cũng là một phương thức giới thiệu sinh động về mỗi vùng miền địa phương thông qua du lịch. Ví dụ: làng nghề chế biến bún, bánh với trên 420 lao động, hàng năm mang lại giá trị thu nhập cho xã ước tính trên 30 tỷ đồng, hiện nay, đã xây dựng thương hiệu và sản phẩm OCOP 3 sao; làng nghề làm nón Hạ Thôn (xã Quảng Tân, thị xã Ba Đồn) thu hút 950 hộ, với 1.200 lao động, năm 2022, nghề này mang lại nguồn thu 19 tỉ đồng;... (Nguồn: baoquangbinh.vn)

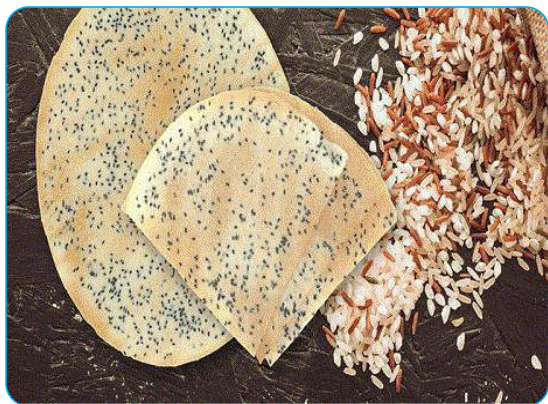
Làng nghề ở Quảng Bình đã tạo nên sức hấp dẫn lớn cho khách du lịch khi gắn với tên sản phẩm như một thể thống nhất không thể tách rời như: chiếu cói An Xá (Lệ Thủy), nón lá Quy Hậu, nón lá Thổ Ngọa, rèn đúc Mai Hồng, đan lát mây tre Thọ Đơn, bánh tráng Tân An, nước mắm Cảnh Dương, nước mắm Bảo Ninh,... Đây là những địa chỉ có nhiều tiềm năng cho việc phát triển du lịch các làng nghề của tỉnh.



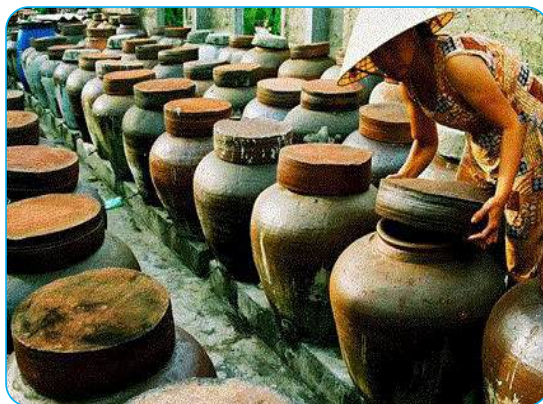
Hình 9.1. Nguyên liệu làm chiếu cói An Xá



Hình 9.2. Các sản phẩm thủ công được đan lát từ mây tre



Hình 9.3. Bánh tráng Tân An



Hình 9.4. Nước mắm Bảo Ninh

EM CÓ BIẾT?

Với 29 làng nghề, làng nghề truyền thống cùng với lợi thế là một trong những trung tâm du lịch của cả nước, Quảng Bình có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch làng nghề gắn với điểm, tuyến du lịch. Hiện nay, tại Quảng Bình đã, đang hình thành và phát triển các điểm, tuyến du lịch gắn với các địa danh làng nghề. Cụ thể, như: Khu vực giáp đèo Ngang, có các làng nghề chế biến thủy hải sản Cảnh Dương, nước mắm Xuân Hòa (xã Quảng Xuân), làng nghề sản xuất muối truyền thống (xã Quảng Phú). Hai bên bờ sông Gianh có các làng nón lá Thổ Ngọa (phường Quảng Thuận), nón lá Hạ Thôn (xã Quảng Tân), làng đan lát

Thọ Đơn (phường Quảng Thọ), làng rèn đúc Hòa Ninh, chạm trổ Thanh Tân (xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn); làng bánh mì xát Tân An (xã Quảng Thanh, Quảng Trạch). Khu vực Bồ Trạch có các làng nghề đóng tàu, thuyền, chế biến thủy hải sản ở Lý Hòa (xã Hải Phú), Nhân Trạch,... Ở thành phố Đồng Hới có làng nghề chế biến hải sản xã Bảo Ninh. Hai bên bờ sông Long Đại, Nhật Lệ ở huyện Quảng Ninh có làng nghề chổi đót Hà Kiên (xã Hàm Ninh), làng nghề chế biến hàu Phú Bình (thị trấn Quán Hàu),... Nằm bên sông Kiến Giang, huyện Lệ Thủy có làng chiếu cói An Xá, làng nón lá Quy Hậu,...

Những năm gần đây, loại hình du lịch làng nghề truyền thống ở Quảng Bình được chú trọng phát triển tạo được sức hút đối với du khách, đặc biệt là du khách ngoài tỉnh, du khách nước ngoài, bởi những giá trị văn hóa lâu đời và các sản phẩm thủ công đặc trưng ở mỗi làng nghề mang lại. Đến với các làng nghề, ngoài việc xem các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, du khách còn có thể tham gia trực tiếp vào một số công đoạn sản xuất để tạo nên những món đồ lưu niệm do chính mình tạo ra. Bên cạnh đó, các làng nghề truyền thống thường gắn với các địa danh, di tích văn hóa lịch sử, du khách có thể tìm hiểu các nét văn hóa truyền thống địa phương, khám phá văn hóa tâm linh, ngắm nhìn phong cảnh làng quê,... Với sự gắn kết với du lịch, các giá trị văn hóa đặc trưng đã được xây dựng và lưu giữ qua nhiều thế hệ ở làng nghề sẽ có cơ hội tiếp nối trong cuộc sống hiện đại và được quảng bá, giới thiệu tới bạn bè trong nước và quốc tế.



Nêu ý nghĩa của mối liên kết giữa làng nghề với ngành du lịch để phát triển bền vững các nghề, làng nghề truyền thống ở Quảng Bình.

3. Các giải pháp bảo tồn, phát triển và nâng cao vai trò, vị trí của các ngành nghề, làng nghề truyền thống

Giữ gìn và phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống là rất cần thiết. Trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội, Tỉnh ủy luôn hướng đến sự phát triển một cách toàn diện để khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương và thu hút các nguồn lực đầu tư từ bên ngoài cho sự phát triển của tỉnh. Một số giải pháp nhằm bảo tồn, phát triển và nâng cao vai trò, vị trí của các ngành nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra như:

Thực hiện tốt việc cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh. Cân đối vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động các nguồn vốn để phát triển kinh tế tiểu thủ công nghiệp.

Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất ở các làng nghề, ưu tiên cho các lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ, phát triển vùng nguyên liệu tập trung, ổn định để cung cấp nguyên liệu cho các làng nghề. Khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất ở làng nghề truyền thống để tăng năng suất, nâng cao khả năng cạnh tranh nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của nghề truyền thống, chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường làng nghề.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, xúc tiến thương mại và phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp cải thiện điều kiện sản xuất, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm; nghiên cứu, lựa chọn các làng nghề và sản phẩm làng nghề tiêu biểu để xây dựng thương hiệu. Tổ chức tham gia các hội chợ về ngành nghề, làng nghề nông thôn cho các cơ sở sản xuất, làng nghề, sản phẩm ngành nghề nông thôn để tuyên truyền, quảng bá sản phẩm tiêu thụ sản phẩm đến thị trường trong và ngoài nước.

Nâng cao việc đào tạo nghề và truyền nghề cho lao động nông thôn phải gắn với các nghề, làng nghề truyền thống. Tăng cường đào tạo kiến thức về kỹ thuật và thiết kế sản phẩm cho thợ thủ công; đối với làng nghề có biện pháp khuyến khích các nghệ nhân, thợ giỏi trong và ngoài tỉnh bồi dưỡng truyền nghề cho lực lượng lao động trẻ thông qua các lớp đào tạo, tập huấn.



Trình bày một số giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững các nghề truyền thống ở Quảng Bình.



1. Lập bảng thống kê các nghề, làng nghề truyền thống ở Quảng Bình theo mẫu sau:

Tên nghề, làng nghề	Địa điểm	Sản phẩm
Làng nghề nón lá	Thôn Quy Hậu, xã Liên Thủy, huyện Lê Thủy	Nón lá
?	?	?
?	?	?

2. Lập kế hoạch quảng bá, giới thiệu công việc, sản phẩm của một làng nghề truyền thống.

TÊN KẾ HOẠCH:

1. Họ và tên (Nhóm thực hiện):

2. Thời gian thực hiện:

3. Mục tiêu kế hoạch:

4. Nội dung thực hiện:

1

Viết thông điệp truyền thông
(Nội dung thông điệp của kế hoạch này là gì? Đối tượng thông điệp hướng đến là ai?)

2

Xác định phương thức truyền thông
(truyền thông qua tờ rơi, áp phích, video,...)

3

Xác định địa điểm thực hiện kế hoạch truyền thông

4

Tìm nguồn nhân lực để thực hiện kế hoạch (người, phương tiện,...)

5. Phân công công việc:

STT	Người thực hiện	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
1	?	?	?
2	?	?	?

6. Lịch trình thực hiện

7. Tổ chức thực hiện

Lưu ý: Học sinh có thể tham khảo ý kiến của cha mẹ, người thân và thầy cô giáo khi lập kế hoạch.



Lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:

1. Ở địa phương em sống có những nghề, làng nghề truyền thống nào? Hãy chia sẻ những thông tin mà em biết về những nghề, làng nghề truyền thống đó.
2. Thiết kế poster (áp phích) để giới thiệu về nghề hoặc làng nghề truyền thống ở Quảng Bình.

Bước 1

Suy nghĩ và đưa ra các ý tưởng, lựa chọn chủ đề thiết kế, nội dung thiết kế (nghề/ làng nghề truyền thống nào, địa điểm ở đâu), vật liệu để thiết kế poster.

Bước 2

Thiết kế poster

Bước 3

Triển lãm sản phẩm thiết kế

Bài 10. TUYÊN TRUYỀN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ĐA DẠNG SINH HỌC TỈNH QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Thực hiện được bài tập (hoặc dự án, đề tài) về bảo vệ môi trường sống xung quanh, thực trạng bảo tồn hệ sinh thái ở địa phương và đề xuất giải pháp bảo tồn.
- Có ý thức tham gia trực tiếp và vận động người thân, cộng đồng chung tay bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động ở địa phương như: trồng và tham gia bảo vệ rừng trồng, rừng tự nhiên; làm sạch biển và bờ biển;...



Chia sẻ những việc em đã làm để bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học ở địa phương em.



1. Đề xuất ý tưởng và lựa chọn chủ đề

- Liệt kê các hoạt động bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học ở địa phương em và ý nghĩa của các hoạt động đó.



Hình 10.1. Thu gom rác trên bờ biển ở tỉnh Quảng Bình



Hình 10.2. Mô hình trồng rau sạch ứng dụng công nghệ cao trên đất cát, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch



Hình 10.3. Mô hình “Đổi rác thải nhựa lấy cây xanh” của Tuổi trẻ Quảng Bình



Hình 10.4. Các loài linh trưởng đang được chăm sóc, cứu hộ và bảo tồn tại Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng



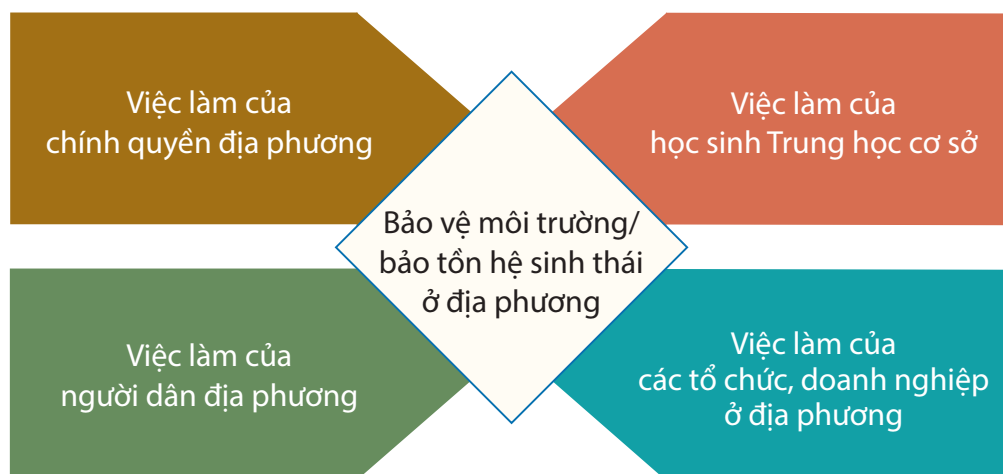
Hình 10.5. Người dân bảo vệ rừng lim ở xã Tân Hoá, huyện Minh Hoá



Hình 10.6. Nuôi, bảo vệ các loài thiên địch giúp vườn ớt được bảo vệ trước các sinh vật gây hại như các loài sâu, bọ trĩ, rệp,... (không cần phun thuốc hoá học)

- Đề xuất ý tưởng và lựa chọn chủ đề tuyên truyền theo gợi ý sau:
- + Tuyên truyền bảo vệ môi trường biển.
- + Tuyên truyền bảo vệ tài nguyên rừng.
- + Tuyên truyền bảo vệ đa dạng sinh học tại Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ bàng.
- + Tuyên truyền bảo vệ các loài thiên địch, sử dụng hợp lí thuốc bảo vệ thực vật.
- + ...

- Đề xuất nội dung tuyên truyền:



- Hình thức thể hiện: pa-nô, tờ rơi, sách ảnh, đoạn phim ngắn, tiểu phẩm, bài thuyết trình,...

2. Lập kế hoạch thực hiện

- Mỗi nhóm tiến hành lập kế hoạch thực hiện theo chủ đề đã lựa chọn ở bước 1.
- Gợi ý mẫu kế hoạch thực hiện:

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN Nhóm: Tên chủ đề: (Ví dụ: Bảo vệ môi trường biển ở địa phương)		
Thời gian	Nội dung thực hiện	Người thực hiện
Từ ngày ... đến ngày ...	Thu thập hình ảnh, thông tin về các việc làm sạch bờ biển ở địa phương của học sinh trung học cơ sở	?
?	?	?

- Chuẩn bị: Các đồ dùng, thiết bị,... để thực hiện kế hoạch theo ý tưởng.
- + Máy tính, máy chiếu.
- + Thiết bị ghi hình, ghi âm, giấy A0.
- + Tranh, ảnh có liên quan đến nội dung bảo vệ môi trường và đa dạng Sinh học.
- + Nội dung kế hoạch thực hiện.
- + Kinh phí thực hiện.
- + Phiếu đánh giá.

3. Thực hiện kế hoạch tuyên truyền bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái ở địa phương

- Lựa chọn hình thức phù hợp để tuyên truyền bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học ở địa phương:
- + Qua trang mạng xã hội.
- + Tổ chức sự kiện (Ngày chủ nhật xanh, Cùng làm sạch bờ biển,...)
- + Triển lãm sản phẩm.
- + ...

Gợi ý: Tổ chức triển lãm tờ rơi tuyên truyền bảo vệ tài nguyên tỉnh Quảng Bình

- Mỗi nhóm thiết kế tờ rơi tuyên truyền bảo vệ tài nguyên tỉnh Quảng Bình theo kế hoạch đã xây dựng.
- Trưng bày sản phẩm, các nhóm cử thành viên trong nhóm giới thiệu tờ rơi và tuyên truyền bảo vệ tài nguyên tỉnh Quảng Bình.
- Các nhóm tiến hành bầu thiết kế đẹp và tuyên truyền đầy đủ, hấp dẫn bằng hình thức giờ tay hoặc bỏ phiếu.

Tiêu chí đánh giá:

- Tờ rơi có màu sắc, bố cục đẹp, sáng tạo.
- Có các nội dung cơ bản về nội dung tuyên truyền và hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung.
- Trình bày đầy đủ ý nghĩa của tài nguyên tỉnh Quảng Bình/ lý do cần bảo vệ, những việc nên làm và không nên làm,...
- Nói to, rõ ràng, lưu loát và hấp dẫn khi trình bày.
- Gương mặt biểu cảm khi nói.



Thực hiện những hành động, việc làm cụ thể phù hợp trong cuộc sống hằng ngày để bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học ở địa phương và nhắc nhở mọi người xung quanh cùng thực hiện.

Bài 11. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM ĐỀN ƠN ĐÁP NGHĨA Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

Yêu cầu cần đạt:

- Biết được về các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các liệt sĩ, thương binh, gia đình có công với cách mạng ở địa phương.
- Đề xuất được ý kiến, ý tưởng cho hoạt động đền ơn đáp nghĩa phù hợp với lứa tuổi.
- Tham gia hoạt động đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.
- Tuyên truyền, vận động bạn bè và người thân cùng nhau duy trì, đẩy mạnh hoạt động đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.



Lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:

1. Học sinh xem video: <https://youtu.be/nqFvflaDZRA?si=DVSIewRjFJUk15Pq>

Mẹ Suốt: Người chèo 4000 chuyến đò – Đưa bộ đội qua sông Nhật Lệ



1. Kể lại những chiến công của Mẹ Suốt.
2. Chúng ta phải làm gì để thể hiện lòng biết ơn đối với Mẹ Suốt?

2. Trò chơi: Đuổi hình bắt chữ: Tìm hiểu các câu ca dao, tục ngữ về lòng biết ơn



1. Nêu ý nghĩa của các câu ca dao, tục ngữ.
2. Trong các câu ca dao, tục ngữ vừa nêu, câu nào khuyên chúng ta nên tham gia hoạt động đền ơn đáp nghĩa.



1. Tìm hiểu hoạt động giáo dục đền ơn đáp nghĩa ở địa phương

- a. Kể tên các hoạt động đền ơn đáp nghĩa đã làm ở địa phương
- b. Chia sẻ những hoạt động đền ơn đáp nghĩa ở trường, địa phương mà em biết hoặc tham gia

- Tên hoạt động.
- Sự tham gia của người dân địa phương, của học sinh vào hoạt động.
- Kết quả hoạt động.
- Cảm xúc, suy nghĩ của em khi chứng kiến hoặc tham gia.

2. Tìm hiểu các gia đình có công với cách mạng và xác định các hoạt động đền ơn đáp nghĩa tại địa phương mà em có thể tham gia

- Nêu những tấm gương thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng ở địa phương mà em biết
 - Thảo luận những thông tin cần tìm hiểu: Địa chỉ, hoàn cảnh,...
- Xác định các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa” em có thể tham gia
 - Thắp nến tri ân các anh hùng liệt sĩ tại nghĩa trang.
 - Thăm hỏi và giúp đỡ gia đình có công với cách mạng bằng những việc làm cụ thể (Ủng hộ quỹ chất độc màu da cam; phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng,...).
 - Chăm sóc, giúp đỡ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng.
 - Tham gia các hoạt động thiện nguyện tại địa phương.

3. Lập kế hoạch thực hiện hoạt động trải nghiệm đền ơn đáp nghĩa ở địa phương

- Xác định hoạt động trải nghiệm có thể thực hiện
- Thảo luận để đưa ra những khó khăn có thể gặp khi tham gia hoạt động trải nghiệm
 - Sắp xếp thời gian.
 - Phương tiện di chuyển.
 - Phân công nhiệm vụ.
 - Không được sự đồng ý từ gia đình khi em tham gia hoạt động trải nghiệm.
- Thảo luận về cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn
 - Xác định khó khăn.
 - Tìm được người có thể hỗ trợ và mong muốn được hỗ trợ.
 - Trình bày nhu cầu, mong muốn cần hỗ trợ.
 - Thể hiện thái độ phù hợp khi mong muốn được hỗ trợ.
- Xây dựng kế hoạch cho hoạt động trải nghiệm
 - Xác định hoạt động có thể trải nghiệm
 - Thảo luận, xây dựng kế hoạch cho hoạt động

Gợi ý:

**Tên hoạt động: THĂM TRUNG TÂM ĐIỀU DƯỠNG
LUÂN PHIÊN NGƯỜI CÓ CÔNG TỈNH QUẢNG BÌNH**

- 1. Người thực hiện:** Giáo viên chủ nhiệm và học sinh lớp
- 2. Mục tiêu hoạt động:** Chia sẻ, trò chuyện, thăm hỏi và tặng quà các bác là thương binh, bệnh binh
- 3. Địa điểm thực hiện:** Trung tâm điều dưỡng luân phiên người có công tỉnh Quảng Bình, đường Trương Pháp,...
- 4. Cách thực hiện:** Giao lưu văn nghệ, trao quà
- 5. Thời gian thực hiện:** Sáng thứ ngày tháng năm
- 6. Việc cần làm, phương tiện di chuyển và phân công chuẩn bị**
 - Tìm hiểu thông tin về Trung tâm (Lớp trưởng)
 - Kêu gọi sự ủng hộ của các thầy cô giáo, các bạn học sinh trong trường hoặc các cá nhân tổ chức tại địa bàn sinh sống (Cả lớp)
 - Tổng hợp và quản lí tài sản đã quyên góp được (Bạn,,)
 - Liên hệ thuê phương tiện và mốc thời gian di chuyển. (Giáo viên chủ nhiệm)
 - Xây dựng và tập các tiết mục văn nghệ giao lưu, tặng quà (Bạn,)
- 7. Hoạt động trong buổi trải nghiệm**
 - Giới thiệu hoạt động, chương trình của hoạt động
 - Giao lưu, chia sẻ, động viên
 - Trao quà và lời hứa từ các bạn học sinh với các bác thương binh, bệnh binh của Trung tâm

4. Thực hiện hoạt động trải nghiệm theo kế hoạch đã xây dựng

5. Chia sẻ cảm nhận khi tham gia hoạt động trải nghiệm

Chia sẻ hoạt động hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa” em đã tham gia

Em đã tham gia hoạt động “Vệ sinh nghĩa trang liệt sĩ cùng với các anh chị đoàn viên thanh niên tại cơ sở vào dịp kỉ niệm ngày Thương binh liệt sĩ 27/7.

Trong quá trình tham gia, em đã được các anh, chị hướng dẫn thực hiện công việc phải làm (nhổ cỏ, quét lá, lau chùi bia tường niệm,...). Sau khi thực hiện xong, nhìn thấy cảnh quan nghĩa trang được sạch đẹp, trong lòng cảm thấy rất vui và xúc động vì em đã làm được một điều thật ý nghĩa, đã góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào việc tri ân đối với những anh hùng đã hi sinh vì nền độc lập của dân tộc.

TƯ LIỆU

Mẹ Nguyễn Thị Suốt sinh năm 1906 tại xóm Vạn Chài, làng Phú Mỹ (nay thuộc thôn Mỹ Cảnh, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới). Cuộc đời của mẹ là những tháng ngày đi ở đợ hết nhà giàu này đến nhà giàu khác, làm thuê làm mướn suốt năm, suốt tháng mà vẫn khổ cực.

Cách mạng tháng Tám thành công chặt đứt xiềng xích nô lệ, giải phóng quê hương, giải phóng dân tộc và giải phóng chính cuộc đời mẹ. Nhưng chưa kịp vui mừng thì thực dân Pháp lại xâm lược nước ta lần nữa. Cũng như đồng bào cả nước, mẹ phải tiếp tục cuộc đời lầm than, cay đắng.

Khi giặc Mỹ gây chiến tranh phá hoại, theo tiếng gọi của cách mạng, của Bác Hồ, Mẹ Suốt đã xung phong nhận một công việc tưởng như bình thường nhưng vô cùng nguy hiểm: Chèo đò ngang qua sông Nhật Lệ. Đây là một trong ba nhiệm vụ quan trọng của tổ 3 phòng: phòng chữa cháy; cấp cứu, chuyển tải thương binh và giao thông đi lại.

Mẹ là người lái đò có trách nhiệm. Mặc dầu đã có tuổi, đến lượt trực đò, bất kể đêm khuya, mẹ luôn có mặt. Khi phục vụ chiến đấu mẹ càng tích cực khẩn trương. Cán bộ, bộ đội cần đi công tác bất kể giờ nào, mẹ đều vui lòng chờ ngay; kể cả lúc nửa đêm, cho đến trường hợp báo động mẹ cũng không ngần ngại.

Ngày 7 – 2 – 1965 (tức là ngày mồng 6 Tết Ất Ty) không lực Hoa Kỳ ồ ạt tấn công bắn phá thị xã Đồng Hới và các vùng lân cận (chúng đã huy động 160 lần chiếc máy bay phản lực hiện đại). Đây là trận oanh tạc lớn mở màn cho cuộc chiến tranh leo thang phá hoại của giặc Mỹ đối với nhân dân ta nói chung, Đồng Hới nói riêng.

Trên sông Nhật Lệ, những cột nước đen ngòm tung lên dữ dội bởi đạn bom. Bất chấp cả những lần máy bay bổ nhào, phóng rốc két, bắn đạn 20 ly ngăn chặn, Mẹ Suốt vẫn hiên ngang cầm chắc tay chèo chở bộ đội sang sông, vận chuyển đạn từ bờ ra tàu chiến của ta để ta đánh trả quân thù. Những chuyến đò của mẹ cũng là đường dây thông tin liên lạc giữa thị xã Đồng Hới với Bảo Ninh. Dưới làn mưa bom bão đạn của kẻ thù, mẹ cùng chiếc đò ngang đưa đón cán bộ, bộ đội, nhân dân qua lại đôi bờ.

Chiến công của Mẹ Suốt cùng bao chiến công thầm lặng khác của quân và dân Đồng Hới đã lập nên một kì tích vang dội: Chỉ trong hai ngày 7 và 8 – 2 – 1965, quân dân Đồng Hới đã bắn rơi 14 máy bay Mỹ. Từ ngày 14 – 2 đến 28 – 4 – 1965, 5 tàu chiến Mỹ bị bắn chìm, bắn cháy tại biển Nhật Lệ – mở đầu cho thắng lợi rực rỡ của quân và dân ta.



Hình 11.1. Mẹ Suốt (1906 – 1968)

Với những chiến công của mẹ, ngày 1 – 1 – 1967, mẹ Nguyễn Thị Suốt đã được Đảng và Nhà nước ta phong tặng danh hiệu Anh hùng ngành Giao thông vận tải trong chống Mỹ cứu nước.

Chiến tranh ngày càng ác liệt, bị thua đau ở miền Nam, đế quốc Mỹ lại tăng cường đánh phá miền Bắc và Đồng Hới lại tiếp tục hứng chịu cảnh đạn bom. Ngày 11 – 10 – 1968, trong lúc làm nhiệm vụ, Mẹ Suốt đã anh dũng hy sinh bởi một trận bom của kẻ thù.

Mẹ Suốt đã trở thành đề tài xúc động và hào sảng cho biết bao tác phẩm văn học – nghệ thuật, về một người phụ nữ, một người mẹ chỉ với mái chèo và trái tim yêu nước, thương nhà mà quyết sống mái với quân thù, tiêu biểu trong đó là bài thơ "Mẹ Suốt" của nhà thơ Tố Hữu, người được Giáo sư Hà Minh Đức xem là "miêu tả thành công hình ảnh người mẹ trong thơ Việt Nam hiện đại".

Hình ảnh Mẹ Suốt sống mãi trong lòng nhân dân Quảng Bình và nhân dân cả nước. Bến đò mẹ chèo năm xưa nay đã trở thành một di tích lịch sử tiêu biểu ở Quảng Bình trong thời kì chống Mỹ với tên gọi thân thương, kính trọng: Bến đò Mẹ Suốt.

Năm 1980, để tưởng nhớ và thể hiện sự cảm kích về một người mẹ anh hùng của quê hương, Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Hới đã cho xây dựng bia đài Mẹ Suốt nằm giữa trung tâm của bến đò.

Đến năm 2003, vào dịp cả nước ta mừng lễ Quốc khánh 2 – 9, tượng đài Mẹ Suốt và quần thể khu tưởng niệm được cắt băng khánh thành. Tượng cao 7m (tính cả bệ), khuôn mặt hướng ra sông Nhật Lệ, cách bến đò xưa hơn 50m. Đây là địa chỉ tham quan du lịch, nơi sinh hoạt văn hoá của nhân dân thành phố và du khách gần xa khi đến với Quảng Bình và bày tỏ lòng ngưỡng mộ, cảm kích trước một người mẹ bình thường nhưng rất đổi anh hùng.

(Nguồn: Trung tâm Thông tin Tư liệu/TTXVN)

BẢNG THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích	Trang
Văn hóa Hoà Bình	Nền “Văn hóa Hoà Bình” là tên gọi nền văn hóa thời kì tiền sử – nền văn hóa đặc trưng cho các nước Đông Nam á lục địa và phía nam Trung Quốc, trong đó, tỉnh Hoà Bình là địa điểm đầu tiên được phát hiện. Từ việc khai quật các địa điểm di tích hang động tại vùng đá vôi Hoà Bình, năm 1927, nhà khảo cổ người Pháp Madelene Colani đã đề xuất khái niệm “Văn hóa Hoà Bình”	6, 7
Văn hóa Bàu Tró	Văn hoá Bàu Tró thuộc thời đại đồ đá mới, cách ngày nay khoảng 5 000 – 4 500 năm. Hơn 20 di tích thuộc văn hoá Bàu Tró đã được phát hiện và nghiên cứu, chúng là những di tích cồn sò, cồn cát, cồn đất, phân bố dọc ven biển các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình	7
Cách mạng	Cuộc biến đổi xã hội – chính trị lớn và căn bản, thực hiện bằng việc lật đổ một chế độ xã hội lỗi thời, lập nên một chế độ xã hội mới, tiến bộ	14, 15, 16, 17, 19, 20, 24, 65, 66, 68
Khởi nghĩa	Hình thức đấu tranh cao nhất của đông đảo Nhân dân bị áp bức bóc lột, nổi lên lật đổ giai cấp thống trị trong nước hay bọn xâm lược nước ngoài	14, 16, 17
Kháng chiến	Chiến đấu tự vệ của một quốc gia hoặc một dân tộc chống xâm lược vũ trang, bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ	10, 11, 14, 17, 18, 19, 20, 22, 25, 26, 28, 29, 30, 31, 32
Làng chiến đấu	Hình thức tổ chức chiến đấu của chiến tranh nhân dân lấy làng làm cơ sở, vừa sản xuất vừa chiến đấu	18, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32
Nghề truyền thống	Nghề truyền thống là nghề được hình thành từ lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền	23, 53, 58
Làng nghề truyền thống	Làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời	48, 53, 55, 56, 57, 58, 59, 60

DANH SÁCH HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU

Hình	Nguồn	Hình	Nguồn
1.1	https://vinpearl.com	5.2	https://noichinh.quangbinh.gov.vn
1.2	Đức Thành	6.1	https://phongnhakebang.vn
1.3	Lê Đình Phúc	6.2	https://cafef.vn
1.4, 3.3, 8.3	Ban biên soạn	9.1, 9.3, 9.4	https://langngheviet.com.vn
1.5, 1.8, 8.1, 8.2, 10.3	https://www.baoquangbinh.vn	9.2	https://quangbinh.travel
1.6, 1.7, 1.9	https://www.quangbinhtravel.vn	10.1	https://baotainguyenmoitruong.vn
2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 11.1	Ảnh tư liệu	10.2	https://snn.quangbinh.gov.vn
3.1, 4.1	Phạm Kim Cương	10.4	https://moitruongdulich.vn
3.2	https://baophapluat.vn	10.5	https://www.qdnd.vn
4.2	https://www.baoquangbinh.vn	10.6	https://nongnghiep.vn
4.3	https://snn.quangbinh.gov.vn		

Tập thể tác giả biên soạn xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu, ảnh được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

